

Số: /BC-STC

Kiên Giang, ngày tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO

Công tác cải cách hành chính năm 2024

Thực hiện Công văn số 1395/SNV-CCHC&TCPCP ngày 19/7/2024 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn thời gian ban hành các kế hoạch và báo cáo cải cách hành chính định kỳ.

Sở Tài chính báo cáo công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2024 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về đánh giá công tác tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính.

Xác định cải cách hành chính (CCHC) là một nhiệm vụ trọng tâm liên quan đến nhiều lĩnh vực nhằm hiện đại hóa nền hành chính Nhà nước, Sở Tài chính đã từng bước đổi mới các nội dung, hình thức về chỉ đạo thực hiện công tác CCHC cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ, cụ thể như sau:

- Thực hiện Kế hoạch số 300/KH-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về Kế hoạch Công tác cải cách hành chính năm 2024, giao Sở Tài chính 04¹ nhiệm vụ, đã hoàn thành 04 nhiệm vụ, đạt 100% bằng so với cùng kỳ².

¹ Thực hiện theo Kế hoạch số 300/KH-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh giao Sở Tài chính 04 nhiệm vụ, cụ thể như sau:

(1) Báo cáo năm 2023 Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế, kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ.

(2) Ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực phạm vi quản lý; Ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế, kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về giá và quy định của pháp luật; Ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế, kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về giá và quy định của pháp luật; Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý; (xem mục 3, Phụ lục III)

(3) Thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2023- 2026.

(4) Tăng cường quán triệt công tác công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC và Thông tư số 90/2018AT-BTC; công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC.

² Theo Báo cáo số 346/BC-STC ngày 18/12/2023 về công tác CCHC năm 2023, đạt 100%.

(Chi tiết từng nhiệm vụ tại Phụ lục III kèm theo báo cáo này)

- Thực hiện Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 24/8/2023 và Kế hoạch số 288/KH-UBND ngày 20/9/2024 của UBND tỉnh cải thiện và nâng cao các Chỉ số và nâng cao các Chỉ số: Cải cách hành chính (Par Index), HÀi lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Xanh cấp tỉnh (PGI) và Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, giao Sở Tài chính 19 nhiệm vụ phối hợp cơ quan, đơn vị thực hiện, có 19/19³ nhiệm vụ, đã hoàn thành, chiếm 100% bằng so với cùng kỳ⁴.

(Chi tiết từng văn bản tại Phụ lục IV kèm theo báo cáo này)

- Thực hiện Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Kế hoạch thực hiện chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước 5 năm giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, giao Sở Tài chính 02⁵ nhiệm vụ phối hợp cơ quan, đơn vị thực hiện, đạt 100% so với cùng kỳ⁶.

(Chi tiết từng văn bản tại Phụ lục V kèm theo báo cáo này)

³ Thực hiện theo Kế hoạch số 288/KH-UBND ngày 20/9/2024 (Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 24/8/2023) của UBND tỉnh giao Sở Tài chính 19 nhiệm vụ, cụ thể như sau:

+ (1) Số nhiệm vụ hoàn thành và tiếp tục thực hiện là 15 nhiệm vụ: (1) Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (NSNN); (2) Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN (3) Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách; (4) Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; (5) Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý; (6) Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công; (7) Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên (100% chi thường xuyên, nhóm 2); (8) Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ 70 đến dưới 100% chi thường xuyên (nhóm 3.1); (9) Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ 30 đến dưới 70% chi thường xuyên (nhóm 3.2); (10) Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ 10 đến dưới 30% chi thường xuyên (nhóm 3.3); (11) Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL (12) Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2021; (13) Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh; (14) Đóng góp tự nguyện (chỉ số PAPI) và (15) Công khai, minh bạch ngân sách cấp xã;

+ (2) Sở Tài chính không trực tiếp thực hiện nội dung này, chỉ phối hợp cơ quan, đơn vị thực hiện, có 04 tiêu chí do do Điều tra xã hội học thực hiện: (1) Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công; (2) Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính; (3) Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị; (4) Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị SNCL.

⁴ Theo Báo cáo số 346/BC-STC ngày 18/12/2023 về công tác CCHC năm 2023, đạt 100%.

⁵ Thực hiện theo Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh giao Sở Tài chính 02 nhiệm vụ, cụ thể như sau: (1) Sở Tài chính chủ trì phối hợp cơ quan, đơn vị Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; (2) Sở kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp cơ quan, đơn vị Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ, hiệu quả giải ngân vốn đầu tư công và thực hiện các nhiệm vụ về cơ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

⁶ Theo Báo cáo số 346/BC-STC ngày 18/12/2023 về công tác CCHC năm 2023, đạt 100%.

- Đã kiện toàn Tổ Chỉ đạo CCHC của Sở Tài chính⁷ và kiện toàn Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Tỉnh⁸. Sở Tài chính tham gia và phối hợp các cơ quan, đơn vị thực hiện đánh giá và chấm điểm các chỉ tiêu về cải cách hành chính (lĩnh vực tài chính công) của các cơ quan, đơn vị⁹. Năm 2024, Công chức tham gia thực hiện công tác cải cách hành chính được tập huấn về kiến thức bồi dưỡng nghiệp vụ công tác cải cách hành chính.

- Đã thành lập Tổ Chỉ đạo triển khai Đề án 06/CP của Sở Tài chính¹⁰ và Kiện toàn Ban Chỉ đạo¹¹; Tổ giúp việc triển khai Đề án. Sở Tài chính không thực hiện TTHC nào nằm trong 53 dịch vụ công thuộc đề án 06 của Chính phủ, Sở Tài chính chỉ thực hiện trách nhiệm tham mưu thẩm định, bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06¹². Ngoài ra, Sở Tài chính tham gia Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 22/11/2024 của UBND tỉnh về TTHC không sử dụng hồ sơ giấy (Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách)¹³.

- Đã kiện toàn công chức đầu mối làm nhiệm vụ kiểm soát TTHC, chế độ cho cán bộ, công chức đầu mối làm nhiệm vụ, kiểm soát TTHC; cơ sở vật chất, trang thiết bị, chính sách hỗ trợ, đãi ngộ cho công chức làm công tác giải quyết thủ tục hành chính thực hiện đảm bảo theo qui định¹⁴.

⁷ Theo Quyết định số 104/QĐ-STC ngày 09/4/2024 của Sở Tài chính về kiện toàn Tổ Chỉ đạo CCHC của Sở, Phó Giám đốc Sở là Tổ trưởng, thành viên Tổ Chỉ đạo (TCĐ) cải cách thủ tục hành (CCHC) của Sở, cùng lãnh đạo các phòng và thành viên tổ giúp việc.

⁸ Theo Quyết định số 2106/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của UBND tỉnh về kiện toàn Ban Chỉ đạo CCHC của Tỉnh, Giám đốc Sở là thành viên Ban chỉ đạo (BCĐ) cải cách thủ tục hành (CCHC); cử 02 lãnh đạo cấp phòng làm thành viên của Tổ giúp việc Ban chỉ đạo CCHC của tỉnh.

⁹ Năm 2024, lĩnh vực tài chính kết quả tự chấm điểm CCHC, ước đạt 63% (tổng 12 điểm, trong đó có 4 điểm do điều tra xã hội học thực hiện), một số nhiệm vụ còn lại tiếp tục thực hiện thường xuyên và báo cáo định kỳ vào cuối năm (cụ thể: Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ 70 đến dưới 100% chi thường xuyên; Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ 30 đến dưới 70% chi thường xuyên; Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp năm 2024 so với năm 2021). Đồng thời, kết quả tự chấm điểm CCHC của tại cơ quan, ước đạt 100%.

¹⁰ Theo Quyết định số 335/QĐ-STC ngày 11/9/2024 của Sở Tài chính về việc thành lập Tổ chỉ đạo triển khai Đề án 06/CP của Sở Tài chính;

¹¹ Theo Quyết định số 1947/QĐ-UBND ngày 02/7/2024 của UBND tỉnh về việc Đã Kiện toàn Ban Chỉ đạo; Tổ giúp việc triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyên đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (Sở Tài chính có 01 đồng chí Phó Giám đốc là thành viên BCĐ đề án 06 của tỉnh).

¹² Căn cứ Kết quả Biên bản của Đoàn kiểm tra công tác triển khai, thực hiện Đề án 06/CP vào ngày 14/8/2024. Qua kiểm tra có 53 dịch vụ công về thực hiện Đề án 06 theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ; danh mục dịch vụ công/thủ tục hành chính ban hành tại Quyết định 422/QĐ - TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Kết quả Sở Tài chính không có 53/53 dịch vụ công theo Đề án 06/CP.

¹³ Kế hoạch số 39/KH-BCĐ ngày 17/02/2024 của Ban Chỉ đạo Đề án 06 về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2024; Kế hoạch số 39/KH-BCĐ ngày 17/02/2024 của Ban Chỉ đạo Đề án 06 về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2024

¹⁴ Theo Quyết định 2351/QĐ-UBND ngày 26/8/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh danh sách cán bộ, công chức, viên chức đầu mối làm nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; đã bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ và bố trí riêng một máy tính và chính sách hỗ trợ, đãi ngộ cho công chức theo

- Sở Tài chính tổ chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh (hợp đồng thuê nhân viên Bưu điện tỉnh trực tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC); đã qua tập huấn sử dụng các phần mềm của bộ, ngành, tỉnh triển khai; có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm, có tinh thần trách nhiệm với công được giao; thực hiện cơ chế một cửa theo đúng quy trình, xem xét cập nhật thông tin để sửa đổi, thay thế các thủ tục cho phù hợp các quy định mới.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất đúng thời gian quy định. Tuy nhiên vào thời điểm báo cáo quý III/2024 việc ký gửi báo cáo trễ thời so với thời gian quy định do Lãnh đạo, Sở Tài chính tham gia đoàn công tác tại Vương quốc Campuchia từ ngày 15/9/2024 đến hết ngày 19/9/2024 theo Quyết định số 2497/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 của UBND tỉnh¹⁵.

- Thực hiện đôn đốc các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao tự chủ trong năm 2024 khẩn trương xây dựng phương án tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP cho giai đoạn 2023-2025.

2. Về tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC năm.

- Thực hiện Kế hoạch số 01/KH-STC ngày 03/01/2024 về cải cách hành chính năm 2024: tổng số nhiệm vụ đặt ra là 32 nhiệm vụ, đã hoàn thành 32/32 nhiệm vụ, đạt 100% tăng so với cùng kỳ¹⁶. Sở đã ban hành 32 văn bản chỉ đạo điều hành chung.

(Chi tiết từng nhiệm vụ tại Phụ lục I kèm theo báo cáo này)

- Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Phụ lục của Kế hoạch số 300/KH-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về Kế hoạch Công tác cải cách hành chính năm 2024: tổng số nhiệm vụ được giao 04 nhiệm vụ, đã hoàn thành 04 nhiệm vụ, đạt 100% bằng so với cùng kỳ¹⁷.

(Chi tiết từng nhiệm vụ tại Phụ lục III kèm theo báo cáo này)

- Thực hiện Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 24/8/2023 và Kế hoạch số 288/KH-UBND ngày 20/9/2024 của UBND tỉnh cải thiện và nâng cao các Chỉ số: Cải cách hành chính (Par Index), Hải lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Năng lực cạnh tranh cấp

Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 22/01/2015 về quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động kiểm soát và được bố trí trong dự toán được giao hằng năm.

¹⁵ Theo điểm g, khoản 3, Điều 2 Công văn số 1395/SNV-CCHC&TCPCP ngày 19/7/2024 quy định thời gian báo cáo chậm nhất là ngày 17 của tháng cuối kỳ báo cáo. Trong khi, Báo cáo 343/BC-STC ngày 26/9/2024 về công tác CCHC quý III/2024; Báo cáo 337/BC-STC ngày 20/9/2024 về KSTTHC, v.v...) do lãnh đạo Sở tài chính tham gia đoàn công tác TỪ NGÀY 15/9/2024 ĐẾN HẾT NGÀY 19/9/2024 theo Kế hoạch số 266/KH-UBND ngày 29/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ký kết hợp tác tìm kiếm, quy tập, hồi hương hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hi sinh trong các thời kỳ chiến tranh ở Campuchia, giai đoạn XXIV (mùa khô năm 2024-2025) tỉnh Kiên Giang và Quyết định số 2497/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 của UBND tỉnh về việc cử Đoàn Ban chuyên trách tỉnh đi công tác tại Vương quốc Campuchia, đồng thời Sở Tài chính có Công văn xin không đi công tác tại Campuchia nhưng không chấp thuận (2339/STC-VP ngày 13/9/2024).

¹⁶ Theo Báo cáo số 346/BC-STC ngày 18/12/2023 về công tác CCHC năm 2023, đạt 96,97%. (còn 01 nhiệm vụ chưa thực hiện hoàn thành: Báo cáo rà soát văn bản QPPL chưa đến thời hạn báo cáo).

¹⁷ Theo Báo cáo số 346/BC-STC ngày 18/12/2023 về công tác CCHC năm 2023, đạt 100%

tỉnh (PCI), Xanh cấp tỉnh (PGI) và Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đã hoàn thành 19/19 nhiệm vụ, đạt 100% bằng so với cùng kỳ¹⁸.

(Chi tiết từng văn bản tại Phụ lục IV kèm theo báo cáo này)

- Thực hiện Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Kế hoạch thực hiện chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước 5 năm giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đã hoàn thành 2/2 nhiệm vụ, đạt 100% bằng so với cùng kỳ¹⁹.

(Chi tiết từng văn bản tại Phụ lục V kèm theo báo cáo này)

3. Về công tác kiểm tra CCHC.

Thực hiện Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh về kiểm tra công tác Cải cách hành chính năm 2024. Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch số 09/KH-STC ngày 18/01/2024 về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2024:

Đã ban hành Kế hoạch số 12/KH-STC ngày 23/01/2024 kiểm tra nhiệm vụ kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC của Sở Tài chính Kiên Giang năm 2024 và Kế hoạch số 09/KH-STC ngày 18/01/2024 công tác kiểm tra cải cách hành chính năm 2024. Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Giám đốc sở, căn cứ các Kế hoạch và văn bản có liên liên. Sở Tài chính đã phối hợp với các phòng chuyên môn thực hiện công tác tự kiểm tra CCHC 6 tháng đầu năm 2024.²⁰ Qua kết quả kiểm tra 6 tháng đầu năm 2024 không có vấn đề cần khắc phục, thực hiện đúng quy định. Bên cạnh đó công tác CCHC đã lồng ghép về nội dung trong tự kiểm tra kiểm soát TTHC; tự kiểm tra đánh giá nội bộ ISO và họp xem xét lãnh đạo ISO năm 2024 và nhiệm vụ khác²¹.

4. Về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC.

- Công tác tuyên truyền hiện nay chủ yếu thông qua trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, trang Văn phòng điện tử của cơ quan, qua nhóm Zalo công chức toàn cơ quan và lồng ghép vào các cuộc họp của từng phòng chuyên môn và các buổi học tập trung toàn cơ quan nhằm nâng cao nhận thức, vai trò trách nhiệm của cán bộ, công chức về công tác cải cách thủ tục hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính, kết hợp với việc cải tiến và hoàn thiện các quy trình của hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào công tác quản

¹⁸ Theo Báo cáo số 346/BC-STC ngày 18/12/2023 về công tác CCHC năm 2023, đạt 100%

¹⁹ Theo Báo cáo số 346/BC-STC ngày 18/12/2023 về công tác CCHC năm 2023, đạt 100%

²⁰ Báo cáo số 213/BC-STC ngày 06/6/2024 theo Kế hoạch số 172/KH-ĐKT ngày 16/5/2024 của Đoàn Kiểm tra về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2024; Báo cáo số 380/BC-STC ngày 08/11/2024 về công tác hoạt động và duy trì ISO năm 2024 theo Quyết định 2718/QĐ-UBND ngày 09/10/2024 phê duyệt kế hoạch kiểm tra duy trì, hoạt động ISO năm 2024 (Kế hoạch số 28/KH-ĐKT ngày 22/10/2024 của Đoàn Kiểm tra ISO năm 2024).

²¹ Thông báo 695/TB-STC ngày 11/12/2024 đánh giá nội bộ và họp xem xét của lãnh đạo; Quyết định 461/QĐ-STC ngày 02/12/2024 kiện toàn Ban chỉ đạo ISO; Quyết định 462/QĐ-STC ngày 03/12/2024; chương trình đánh giá nội bộ; kế hoạch đánh giá; biên bản; báo cáo tổng hợp đánh giá iso.

lý và điều hành của cơ quan nhằm đạt được hiệu quả ngày càng cao hơn. Hoạt động của Trang thông tin điện tử Sở ngày càng có nhiều thông tin phong phú, giúp tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước và phục vụ người dân, phổ biến kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật, thông tin hoạt động của ngành, trong đó các quyết định, quy định, quy trình và TTHC trên các lĩnh vực hoạt động của Sở, được duy trì hoạt động thường xuyên và luôn cập nhật thông tin mới.

Số lượng các tin, bài viết, phóng sự chuyên đề về CCHC đến ngày 04/12/2024 (nội dung, hình thức và kết quả thực hiện; nêu rõ số lượng các tin, bài viết, phóng sự đã thực hiện) và có bố trí tin, bài theo Điều 4, Nghị định 42/2022/NĐ-CP có 104/104 tin, bài viết chiếm 100%.

5. Tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

+ Tổng số nhiệm vụ do Chính phủ, các cơ quan Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh giao: 453 nhiệm vụ. Trong đó:

Tổng số nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao: 409 nhiệm vụ:

+ Số nhiệm vụ hoàn thành: 382 (Đúng hạn: 369; quá hạn 11, chiếm: 2,87%).

+ Số nhiệm vụ chưa hoàn thành: 27 (Trong hạn: 27; quá hạn: 0).

Tổng số nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao: 35 nhiệm vụ:

+ Số nhiệm vụ hoàn thành: 28 (Đúng hạn: 26; quá hạn 2, chiếm : 7,14%).

+ Số nhiệm vụ chưa hoàn thành: 7 (Trong hạn: 7; quá hạn: 0).

Nguyên nhân quá hạn: một số văn bản do nhận được quá cận ngày hết hạn nên không kịp xử lý, một số ít văn bản có tính phức tạp cần có thời gian nghiên cứu thận trọng mới có thể đề xuất ý kiến tham mưu; một số nội dung văn bản cần có sự phối hợp của các sở, ngành tuy nhiên thời gian chỉ đạo xử lý rất hạn chế (2-3 ngày/việc).

6. Về mô hình, sáng kiến trong CCHC.

Sở Tài chính chưa có mô hình, sáng kiến CCHC nào được công nhận. Thời gian tới, Sở sẽ tiếp tục duy trì phát động thi đua, động viên, khuyến khích trong công chức tiếp tục cung cấp các giải pháp, sáng kiến nhiều hơn và đã lồng các nội thực hiện các chính về tài chính, ngân sách trong cải cách hành chính²². Qua đó, đánh giá, lựa chọn giải pháp, sáng kiến có chất lượng báo cáo trình Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh xem xét.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

²² Sở Tài chính đã lồng ghép nội dung có liên quan trong công tác CCHC được Sở Tài chính phê duyệt theo Quyết định 554/QĐ-STC ngày 29/12/2023 về công nhận sáng kiến cấp cơ sở năm 2023

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL): đến ngày 14/12/2024, Sở Tài chính tham mưu cho HĐND, UBND tỉnh ban hành văn bản QPPL 04 văn bản (Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 22/7/2024 của HĐND tỉnh; Quyết định 03/2024/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 của UBND tỉnh; Quyết định 17/2024/QĐ-UBND ngày 03/06/2024 của UBND tỉnh; Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 04/11/2024 của UBND tỉnh).

- Kết quả tham gia góp ý dự thảo VBQPPL của HĐND, UBND tỉnh do các sở, ban, ngành gửi đến (Nêu cụ thể số lượng, tên loại và tên gọi của dự thảo): đến ngày 14/12/2024 Sở Tài chính đã tham góp ý 87 văn bản²³.

²³ Tham gia góp ý các Công văn số: 80/STC-QLGCS ngày 10/01/2024 góp ý dự thảo Quyết định bãi bỏ Quyết định số 25/2009/QĐ-UBND của UBND tỉnh Kiên Giang; 154/STC-VP ngày 22/01/2024 Luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; 150/STC-TCHCSN ngày 22/01/2024 góp ý dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính; 187/STC-TCHCSN ngày 24/01/2024 góp ý dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính; 190/STC-QLNS ngày 24/01/2024 góp ý dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 76/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính; 214/STC-VP ngày 25/01/2024 góp ý dự thảo Thông tư của Bộ nội vụ quy định tiêu chuẩn xét thăng hạng viên chức hành chính, văn thư, lưu trữ; xếp lương...; 246/STC-TCHCSN ngày 26/01/2024 góp ý dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2023/TT-BTC; 376/STC-QLGCS ngày 22/02/2024 ý kiến dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang; 368/STC-VP ngày 21/02/2024 góp ý dự thảo Quyết định Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (lần 3); 450/STC-TCHCSN ngày 01/3/2024 dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; 473/STC-VP ngày 01/3/2024 dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ; 437/STC-VP ngày 04/03/2024 góp ý dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ; 466/STC-TCHCSN ngày 04/03/2024 tham gia ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2020/NĐ-CP; 512/STC-VP ngày 08/03/2024 góp ý dự thảo Tờ trình, Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử; tổng kết thực hiện Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 quy định về định danh và xác thực điện tử; 521/STC-TCHCSN ngày 11/3/2024 Thông tư bãi bỏ Thông tư liên tịch số 35/2004/TTLT-BTC-BGDĐT về cơ chế quản lý tài chính và mức chi của Dự án Giáo dục tiểu học cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; 536/STC-TCHCSN ngày 12/3/2024 dự thảo Hồ sơ Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quảng cáo; 547/STC-VP ngày 13/3/2024 góp ý đối với hồ sơ xây dựng Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân; 616/STC-VP ngày 19/3/2024 V/v góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo; 614/STC-TCHCSN ngày 18/3/2024 góp ý dự thảo Luật Chuyên đổi giới tính; 692/STC-TCHCSN ngày 28/3/2024 Thông tư bãi bỏ Thông tư liên tịch số 35/2004/TTLT-BTC-BGDĐT về cơ chế quản lý tài chính và mức chi của Dự án Giáo dục tiểu học cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; 714/STC-TCHCSN ngày 28/3/2024 thảo Thông tư bãi bỏ Thông tư số 139/2017/TT-BTC về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển văn hóa giai đoạn 2016-2020; 754/STC-TCHCSN ngày 03/4/2024 góp ý dự thảo Thông tư bãi bỏ Thông tư liên tịch số 143/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL; 758/STC-TCHCSN ngày 04/4/2024 tham mưu góp ý dự thảo Luật Hóa chất (sửa đổi); 763/STC-TCHCSN ngày 04/4/2024 góp ý dự thảo Nghị định quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh động vật; 830/STC-TCHCSN ngày 10/4/2024 góp ý dự thảo Thông tư bãi bỏ Thông tư liên tịch số 32/2000/TTLT-BTC-BVHTT về quản lý tài chính đối với các cơ sở ngoài công lập hoạt động trong lĩnh vực văn hóa; 858/STC-TCHCSN ngày 15/4/2024 góp ý dự thảo Nghị định về sử dụng kinh phí thường xuyên thực hiện các dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm tài sản, trang thiết bị; 860/STC-TCHCSN ngày 15/4/2024 góp ý dự thảo Thông tư bãi bỏ Thông tư số 58/2016/TT-BTC và Thông tư số 68/2022/TT-BTC; 866/STC-TCHCSN ngày 15/4/2024 góp ý dự thảo Đề án, Tờ trình, Nghị quyết quy định một số loại phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; 921/STC-QLGCS ngày 19/4/2024 góp ý dự thảo Nghị định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; 942/STC-TCHCSN ngày 24/4/2024 dự thảo Nghị định về sử dụng kinh phí thường xuyên thực hiện các dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm tài sản, trang thiết bị; 973/STC-QLNS ngày 26/4/2024 góp ý dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ kinh phí hoạt động của Chi hội thuộc các tổ chức chính trị xã hội ở các ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh KG; 977/STC-TCHCSN ngày 26/4/2024 ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP; 994/STC-TCHCSN ngày 02/5/2024 Nghị quyết quy định một số chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; 996/STC-TCHCSN ngày 02/5/2024 góp ý dự thảo Thông tư quy định mã số tiêu chuẩn, chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong các đơn vị sự nghiệp công lập; 1056/STC-VP ngày 10/5/2024 về việc góp ý dự thảo Quyết định ban hành Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang; 1010/STC-TCHCSN ngày 04/5/2024 góp ý dự thảo Đề án, Tờ trình, Nghị quyết quy định một số loại phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; 1041/STC-TCHCSN ngày 07/5/2024 góp ý dự thảo Thông tư quy định mã số tiêu chuẩn, chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong các đơn vị sự nghiệp công lập; 1043/STC-TCHCSN ngày 07/5/2024 phối hợp góp ý dự thảo Thông tư quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP của Chính phủ; 1045/STC-TCHCSN ngày 08/5/2024 góp ý dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 278/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế; 1068/STC-TCHCSN ngày 13/5/2024 đề nghị góp ý dự thảo Nghị định của Chính phủ; 1081/STC-TCHCSN ngày 14/5/2024 đề nghị góp ý dự thảo Tờ trình và Nghị quyết quy định về việc miễn lệ phí hộ tịch khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

1078/STC-QLNS ngày 23/5/2024 góp ý dự thảo kế hoạch triển khai thi hành Luật Quản lý bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; 1117/STC-QLGCS ngày 17/5/2024 góp ý dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 96/2018/NĐ-CP của Chính phủ.; 1186/STC-QLNS ngày 23/5/2024 góp ý dự thảo Nghị quyết thực hiện Luật lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự cơ sở; 1192/STC-TCHCSN ngày 24/5/2024 đóng góp ý kiến về dự thảo Thông tư quy định về giải thưởng Môi trường Việt Nam của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 1203/STC-TCHCSN ngày 27/5/2024 góp ý dự thảo Tờ trình và Nghị quyết giảm lệ phí bình tuyến, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; 1213/STC-TCHCSN ngày 28/5/2024 góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Cư trú; 1221/STC-TCHCSN ngày 28/5/2024 góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 26/4/2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân; 1231/STC-QLGCS ngày 30/5/2024 về việc góp ý dự thảo Thông tư quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; 1277/STC-TCHCSN ngày 03/6/2024 dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết HĐND về nội dung chi mức chi CTMT; 1304/STC-TCHCSN ngày 05/6/2024 góp ý dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 55/2023/TT-BTC về kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; 1326/STC-QLNS ngày 7/6/2024 người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp khu phố đối với từng đơn vị hành chính cấp huyện trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2024; 1387/STC-TCHCSN ngày 13/6/2024 góp ý Nghị định quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí thường xuyên NSNN để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; 1406/STC-TCHCSN ngày 17/6/2024 góp ý dự thảo Thông tư bãi bỏ các Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn về cơ chế quản lý tài chính, thu nhập đặc thù của các đơn vị thuộc Bộ Tài chính; 1415/STC-TTr ngày 17/6/2024 về việc trình ký văn bản góp ý dự thảo Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 73/2015/TTLT-BTC-TTCP; 1443/STC-TCHCSN ngày 18/6/2024 góp ý dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC về chế độ kế toán doanh nghiệp; 1506/STC-TCHCSN ngày 25/6/2024 góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn kinh phí ngân sách Nhà nước thực hiện việc xác định mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật; 1544/STC-TCHCSN ngày 01/7/2024 góp ý dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC về chế độ kế toán doanh nghiệp; 1562/STC-QLNS ngày 02/7/2024 góp ý dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 324/2016/TT-BTC quy định hệ thống mục lục ngân sách Nhà nước; 1576/STC-TCHCSN ngày 03/7/2024 góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 84/2016/NĐ-CP; 1562/STC-QLNS ngày 02/7/2024 góp ý dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 324/2016/TT-BTC quy định hệ thống mục lục ngân sách Nhà nước; 1641/STC-TCHCSN ngày 11/7/2024 góp ý đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 144/2021/NĐ-CP; 1648/STC-TCHCSN ngày 12/7/2024 góp ý dự thảo Nghị quyết quy định chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; 1651/STC-VP ngày 12/7/2024 góp ý dự thảo Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Chính phủ; 1690/STC-TCHCSN ngày 17/7/2024 phối hợp góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại và xây dựng phát triển thương hiệu; 1684/STC-TCHCSN ngày 17/7/2024 góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi khoản 2 Điều 12 Nghị định số 03/2017/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh casino theo trình tự, thủ tục rút gọn; 1689/STC-TCHCSN ngày 17/7/2024 góp ý dự thảo Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; 1672/STC-TCĐT ngày 16/7/2024 góp ý dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2026-2030; 1668/STC-QLNS ngày 16/7/2024 góp ý dự thảo Quyết định bãi bỏ Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND của UBND tỉnh giao số lượng và bố trí cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh; 1689/STC-TCHCSN ngày 17/7/2024 góp ý dự thảo Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; 1684/STC-TCHCSN ngày 17/7/2024 góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi khoản 2 Điều 12 Nghị định số 03/2017/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh casino theo trình tự, thủ tục rút gọn; 1705/STC-TCHCSN ngày 18/7/2024 góp ý dự thảo Thông tư bãi bỏ 02 Thông tư liên tịch của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường; 1719/STC-VP ngày 22/7/2024 góp ý dự thảo Kế hoạch triển khai Nghị định 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ.; 1727/STC-TCHCSN ngày 22/7/2024 góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại và xây dựng phát triển thương hiệu; 1728/STC-TCĐT ngày 23/7/2024 góp ý đối với Dự thảo Thông tư bãi bỏ Thông tư số 190/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ; 1836/STC-VP ngày 31/7/2024 góp ý dự thảo Kế hoạch triển khai Nghị định 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ; 1884/STC-VP ngày 07/8/2024 góp ý đối với hồ sơ xây dựng Luật Dữ liệu; 1942/STC-VP ngày 15/8/2024 góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP của Chính phủ.; 1938/STC-TCĐT ngày 15/8/2024 góp ý dự thảo Thông tư bãi bỏ các Thông tư của Bộ Tài chính; Thông tư số 10/2005/TT-BTC; bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 1 Thông tư số 343/2016/TT-BTC và điểm c khoản 1 Điều 1 Thông tư số 61/2017/TT-BTC; 1963/STC-TCHCSN ngày 19/8/2024 góp ý dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung của Thông tư số 11/2015/TT-BTC hướng dẫn cơ chế tài chính cho hoạt động tư vấn, phân biện và giám định xã hội; 1971/STC-VP ngày 20/8/2024 góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn kế toán Quỹ bảo hiểm xã hội, Quỹ bảo hiểm y tế, Quỹ bảo hiểm thất nghiệp; 1963/STC-TCHCSN ngày 19/8/2024 góp ý dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung của Thông tư số 11/2015/TT-BTC hướng dẫn cơ chế tài chính cho hoạt động tư vấn, phân biện và giám định xã hội; 2027/STC-VP ngày 26/8/2024 góp ý dự thảo Nghị định quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thu từ xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và đầu giá biển số xe; 2076/STC-TCĐT ngày 29/8/2024 góp ý đối với dự thảo Thông tư bãi bỏ Thông tư số 190/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ; 2094/STC-VP ngày 31/8/2024 góp ý dự thảo Thông tư quy định thu lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước; 2096/STC-VP ngày 04/9/2024 góp ý Thông tư bãi bỏ các Thông tư liên tịch: Thông tư liên tịch số 88/2005/TTLT-BTC-BYT và Thông tư liên tịch số 127/2010/TTLT-BTC-BYT; 2095/STC-VP ngày 04/9/2024 góp ý dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phí, lệ phí; 2113/STC-TCHCSN ngày 05/9/2024 góp ý dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh bãi bỏ Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; 2141/STC-TCHCSN ngày 9/9/2024 góp ý dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang quy định phạm vi vùng phụ cận của công trình thủy lợi và cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.; 2366/STC-QLGCS ngày 16/9/2024 góp ý kiến về dự thảo Thông tư quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng chợ; 2354/STC-VP ngày 16/9/2024 góp ý dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2027/TT-BTC về kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường; 2430/STC-VP ngày 20/9/2024 góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Dự

- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: thực hiện lồng ghép việc tuyên truyền cải cách hành chính với việc tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật của Trung ương và địa phương liên quan đặc biệt là đẩy mạnh tuyên truyền về nhiệm vụ xây dựng Chính quyền điện tử, thực hiện chuyển đổi số.

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật:

+ Số văn bản quy phạm pháp luật đang thực hiện kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL do Sở Tài chính tham mưu tính đến ngày 14/12/2024: 28 văn bản (Công văn 3071/STC-VP ngày 21/11/2024).

+ Tham mưu xử lý VBQPPL trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị: 01 văn bản

Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 04/11/2024 sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 Quyết định số 13/2020/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng và diện tích công trình sự nghiệp khác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang. Quyết định số 13/2020/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 được Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật – Bộ Tư pháp kết luận có nội dung cơ sở pháp lý chưa phù hợp, có nội dung trái pháp luật nhưng chưa xảy ra trường hợp áp dụng dẫn đến sai pháp luật, chưa gây ra hậu quả trong thực thi văn bản, chưa nhận được phản ánh khó khăn, vướng mắc từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thi hành văn bản trên.

+ Số VBQPPL của HĐND và UBND tỉnh đã thực hiện rà soát tính đến ngày 14/12/2024: 28 văn bản.

- Việc báo cáo công tác kiểm tra, xử lý, rà soát VBQPPL hàng năm: Sở Tài chính đã thực hiện kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL do Sở Tài chính tham mưu năm 2023, gửi Sở Tư pháp tổng hợp theo quy định tại Báo cáo số 362/BC-STC ngày 29/12/2023 và theo Kế hoạch số 01/KH-STC ngày 03/01/2024.

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật luôn được quan tâm, chỉ đạo. Theo đó, Sở triển khai thực hiện Kế hoạch số 57/KH-STC ngày 27/5/2024 công tác theo dõi thi hành pháp luật năm 2024; Kế hoạch số 59/KH-STC ngày 04/6/2024 xử lý và rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2024 thuộc lĩnh vực quản lý. Sở Tài chính đã thực hiện tại Công văn 3071/STC-VP ngày 21/11/2024.

2. Cải cách thủ tục hành chính.

án Luật Sửa đổi một số điều của các Luật của Bộ Tài chính;2451/STC-VP ngày 23/9/2024 góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ và Thông tư quy định một số khoản Luật Lưu trữ;24701/STC-QLGCS ngày 24/9/2024 góp ý dự thảo Thông tư quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng chợ;2489/STC-VP ngày 25/9/2024góp ý dự thảo Thông tư của Thanh tra Chính phủ quy định về trang phục ngành Thanh tra;2561/STC-VP ngày 01/10/2024 góp ý dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2017/TT-BTC về kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường; 2588/STC-VP ngày 03/10/2024 góp ý dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 21/2023/TT-BTC ngày 14/04/2023 của Bộ Tài chính về quản lý sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025; 2587/STC-VP ngày 03/10/2024 góp ý dự thảo Thông tư quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Tài chính

- **Kết quả rà soát TTHC nội bộ²⁴**: Qua rà soát, Sở Tài chính đã tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 3277/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 công bố danh mục thủ tục hành chính nội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài chính áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang với 36 TTHC nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh và 17 TTHC nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện.

- **Kết quả rà soát TTHC**: Qua rà soát tính đến thời điểm báo cáo có 21²⁵ thủ tục hành chính (TTHC) được công bố công khai. Trong đó, có 12 TTHC được bãi bỏ, có 9²⁶ TTHC công bố mới.

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

+ Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận một cửa: Tiếp tục duy trì hợp đồng dịch vụ Bưu điện trực tại quầy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh, đảm bảo thời gian, chất lượng và đúng quy định.

+ Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ (TTHC), giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC, đạt 100%

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo qua trang một cửa điện tử của tỉnh (từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/12/2024): 31 hồ sơ; trong đó: Số kỳ trước chuyển qua: 01 hồ sơ; số tiếp nhận mới trong kỳ: 30 hồ sơ; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 0). Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 31 hồ sơ; trong đó, giải quyết trước hạn: 30 hồ sơ; đúng hạn: 1 hồ sơ; quá hạn: 0 hồ sơ, hủy 0 hồ sơ. Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 0 hồ sơ; trong đó, trong hạn: 0 hồ sơ, quá hạn: 0 hồ sơ.

- Ngoài ra, Công tác tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC cấp mã số trực tiếp trên trang DVC của Bộ Tài chính (hiện tại số liệu này chưa được đồng bộ lên DVC Quốc gia: kỳ trước chuyển sang 00 hồ sơ; tiếp nhận 1.111 hồ

²⁴ Theo Công văn số 1837/UBND-HCC ngày 26/8/2024 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện công bố, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ và Quyết định số 1075/QĐ-BTC ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Bộ tài chính.

²⁵ Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 10/7/2024: công bố mới 02 TTHC; Quyết định số 2524/QĐ-UBND ngày 16/9/2024: bãi bỏ 02 TTHC; Quyết định số 2549/QĐ-UBND ngày 18/9/2024: công bố mới 02 TTHC và bãi bỏ 02 TTHC; Quyết định số 2772/QĐ-UBND ngày 14/10/2024: công bố mới 01 TTHC; Quyết định số 2958/QĐ-UBND ngày 08/11/2024: bãi bỏ 02 TTHC; Quyết định số 2977/QĐ-UBND ngày 11/11/2024: công bố mới 03 TTHC (thuộc thẩm quyền cấp huyện) và bãi bỏ 06 TTHC; Quyết định số 3254/QĐ-UBND ngày 10/12/2024: công bố mới 01 TTHC.

²⁶ 9 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của STC: (1) Xứ lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp; (2) Cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc địa phương; (3) Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách; (4) Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng; (5) Hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội; (6) Điều chỉnh hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo yêu cầu của tổ chức cá nhân; (7) Hiệp thương giá; (8) Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất; (9) Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước.

sơ; giải quyết 1.111 hồ sơ (giải quyết trước hạn 1.076 hồ sơ, đúng hạn 35 hồ sơ; quá hạn 00 hồ sơ); hồ sơ tồn đang giải quyết trong hạn 00 hồ sơ; Hồ sơ dừng xử lý/đã hủy 00 hồ sơ.

+ Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: tính đến thời điểm báo cáo, Sở Tài chính chưa nhận được phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC.

Sở thực hiện việc công khai địa chỉ và thực hiện việc tiếp nhận phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị (Địa chỉ, đường dây nóng trên bảng công khai TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và hộp thư góp ý cơ quan, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh).

- Tính đến thời điểm báo cáo: Kết quả thăm dò ý kiến hài lòng của tổ chức, cá nhân Sở Tài chính không tổ chức thực hiện tại đơn vị, do hồ sơ được tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện trên DVC trực tuyến hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Số liệu báo cáo được lấy từ kết quả thăm dò của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (căn cứ kết quả thăm dò được Văn phòng UBND tỉnh thông báo). Sở Tài chính chưa nhận được phản ánh, kiến nghị về mức độ hài lòng, đạt 100% kết quả hài lòng.

3. Cải cách tổ chức bộ máy.

- Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan: thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BTC ngày 28/01/2022 của Bộ Tài chính, hiện nay Sở Tài chính sắp xếp tổ chức các phòng chuyên môn theo Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang. Công chức, người lao động trong cơ quan chấp hành đảm bảo theo đúng phạm vi chức năng nhiệm vụ được phân công.

- Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại cơ quan: Sở Tài chính không có ĐVSNCL.

- Kết quả sắp xếp bộ máy của đơn vị theo Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 04/01/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang triển khai thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP: Hiện nay Sở Tài chính có 06 phòng chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu chức năng, nhiệm vụ theo quy định. Các phòng đều bố trí từ 08 biên chế trở lên và không có đơn vị SNCL nên không thuộc diện rà soát, sắp xếp lại bộ máy theo Kế hoạch số 01/KH-UBND.

- Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng biên chế: Năm 2024, Sở Tài chính được HĐND tỉnh giao 68 biên chế theo Nghị Quyết số 15/NQ-HĐND ngày 29/04/2024, công chức hiện có mặt là 63 biên chế, cụ thể như sau:

+ Ban Giám đốc: Giám đốc, 03 Phó Giám đốc;

+ Văn phòng Sở: Chánh Văn phòng, 02 Phó chánh Văn phòng và 07 chuyên viên;

+ Phòng Quản lý Ngân sách: 01 Trưởng phòng, 02 Phó trưởng phòng và 07 chuyên viên;

+ Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp: 01 Trưởng phòng, 02 phó trưởng phòng, và 07 chuyên viên;

+ Phòng Quản lý Giá Công sản: Trưởng phòng, 02 phó trưởng phòng và 07 chuyên viên;

+ Thanh tra Sở: Chánh Thanh tra, 02 Phó chánh Thanh tra, 07 thanh tra viên, 01 chuyên viên.

+ Phòng Tài chính Đầu tư: Trưởng phòng, 02 phó trưởng phòng và 05 chuyên viên.

- Quyết định giao biên chế đối với các phòng chuyên môn thuộc Sở: Quyết định số 192/QĐ-STC ngày 30/5/2024 của Giám đốc Sở Tài chính.

- Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền: Sở Tài chính đang và tiếp tục phối hợp cơ quan, đơn vị thực hiện quy định theo phân cấp quản lý nhà nước giữa các cơ quan²⁷.

4. Cải cách chế độ công vụ.

Thực hiện các văn bản của bộ, ngành, địa phương quy định về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch số 97/KH-STC ngày 15/8/2023 về việc xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức theo hướng dẫn của Sở Nội vụ và đã hoàn thành Đề án số 136/ĐA-STC ngày 23/11/2023 về việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Tài chính đã được UBND tỉnh phê duyệt (Quyết định số 3095/QĐ-UBND ngày 06/12/2023 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Tài chính)²⁸.

²⁷ Tham gia phối hợp cơ quan, đơn vị thực hiện Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 22/7/2024 của HĐND tỉnh; Quyết định 03/2024/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 của UBND tỉnh; Quyết định 17/2024/QĐ-UBND ngày 03/06/2024 của UBND tỉnh; Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 04/11/2024; công văn số 1648/STC-TCHCSN ngày 12/7/2024 về góp ý dự thảo Nghị quyết quy định chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; công văn số 1668/STC-QLNS ngày 16/7/2024 góp ý dự thảo Quyết định bãi bỏ Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND của UBND tỉnh giao số lượng và bố trí cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 27/7/2024 của HĐND tỉnh quy định một số nội dung chi, mức hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 28/8/2024 của HĐND tỉnh quy định về chức danh, mức phụ cấp và một số chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khu phố; người trực tiếp tham gia hoạt động ở ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo 272/BC-UBND ngày 26/9/2024 của UBND tỉnh về ánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp NSDP, tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách, các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSDP năm 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới trên địa bàn tỉnh và đề xuất phương án xây dựng các quy định năm 2026 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới trên địa bàn tỉnh (Công văn số 2084/STC-QLNS ngày 30/8/2024 của Sở Tài chính về báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp NSDP, tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách, các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSDP năm 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới trên địa bàn tỉnh và đề xuất phương án xây dựng các quy định năm 2026 và các năm tiếp theo).

²⁸ Báo cáo, đánh giá việc sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính theo Đề án vị trí việc làm được duyệt, đạt 100% (Quyết định số 3095/QĐ-UBND ngày 06/12/2023; Đề án số 136/ĐA-STC ngày 23/11/2023 về việc làm và cơ cấu ngạch công chức):

- Cơ cấu ngạch công chức, trình độ chuyên môn, chuyên ngành đào tạo của công chức phù hợp theo quy định vị trí việc làm được cấp thẩm quyền phê duyệt, đạt 100%.

+ Cơ cấu ngạch công chức, trình độ chuyên môn, chuyên ngành đào tạo của công chức phù hợp theo quy định vị trí việc làm, khung năng lực phù hợp theo vị trí việc làm.

- Hằng năm có xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức theo vị trí việc làm và cơ cấu ngạch theo quy định.

- Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức (thi tuyển, xét tuyển): Không có nhu cầu.

- Kết quả thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức trong năm 2024: Bổ nhiệm 07 công chức, bổ nhiệm lại 05 công chức.

- Kết quả giải quyết chế độ nghỉ hưu trước tuổi và thôi việc theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế: 03 công chức.

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức tại cơ quan: đội ngũ cán bộ, công chức đều chấp hành nghiêm túc các quy định, quy chế của cơ quan, trong năm không có trường hợp cán bộ, công chức vi phạm bị xử lý kỷ luật.

- Kết quả thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hằng năm 2024 như sau: Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức năm 2024 (Kế hoạch số 120/KH-STC ngày 09/10/2023). Tính đến nay, Sở Tài chính đã cử 59 lượt công chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn.

- Thực hiện tiếp nhận tính đến ngày đến ngày 14/12/2024: tiếp nhận chuyển công tác đến 02 công chức; điều động, bổ nhiệm chuyển đến 01 công chức;

- Luân chuyển công tác 01 công chức; điều động công tác chuyển đi 02 công chức; - Tình hình ban hành và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại các cơ quan nhà nước: Không có

- Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại cơ quan năm 2024:

+ Thi nâng ngạch công chức tính đến ngày đến ngày 14/12/2024: Cử 09 công chức thi nâng ngạch lên chuyên viên chính, kết quả có 08 công chức đạt kỳ thi nâng ngạch lên chuyên viên chính, đạt tỷ lệ 89%;

+ Thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại cơ quan tính đến ngày đến ngày 14/12/2024: không có

5. Cải cách tài chính công

5.1 Đối với Sở Tài chính

Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính – ngân sách tại cơ quan: Thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2023 về công

- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức theo khung năng lực vị trí việc làm: Sở Tài chính theo đúng quy định, phù hợp với vị trí việc làm, đạt tỷ lệ 100%.

tác quản lý ngân sách nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (Công văn số 175/KTNN-TH ngày 13/10/2023 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực V), Sở Tài chính đã thực hiện 251.060.170.313 đồng/251.060.170.313 đồng, đạt 100% theo kiến nghị, trong đó: thu hồi, nộp ngân sách các khoản sai quy định, thu hồi kinh phí cấp thừa và giảm dự toán, thanh toán năm sau 32.240.535.225 đồng; xử lý khác về tài chính là 218.819.635.088 đồng.

+ Năm 2023:

Số phải giảm dự toán, thanh toán năm sau 1.945.334.911 đồng, số đã thực hiện 1.945.334.911 đồng, đạt tỷ lệ 100%.

Số kiến nghị xử lý khác về tài chính 218.819.635.088 đồng, số đã thực hiện 218.819.635.088 đồng, đạt tỷ lệ 100%

+ Năm 2024:

Số phải nộp ngân sách 518.929.397 đồng, số đã thực hiện 518.929.397 đồng, đạt tỷ lệ 100%.

Số kiến nghị thu hồi kinh phí cấp thừa 29.776.270.917 đồng, số đã thực hiện 29.776.270.917 đồng, đạt tỷ lệ 100%

5.2 Đối với lĩnh vực được giao của ngành

a) Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính – ngân sách:

- Kết quả thực hiện thu NSNN theo Kế hoạch được UBND tỉnh và Trung ương giao đến ngày 08/12/2024 là 13.742 tỷ đồng, đạt 81,3% 13.836 tỷ đồng, đạt 81,8% (13.836 tỷ đồng/16.906 tỷ đồng) so với dự toán HĐND tỉnh giao giảm 26,3% (81,8%-108,1%) so với cùng kỳ²⁹ và đạt 110,5% (13.836 tỷ đồng /12.520 tỷ đồng) so dự toán Trung ương giao giảm 3,8% (110,5%-114,3%) so với cùng kỳ³⁰.

Ước thu NSNN từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 là 16.977 tỷ đồng, đạt 100,4% (16.977/16.906) so với dự toán HĐND tỉnh giao, đạt 135,6% (16.977/12.520) so dự toán Trung ương giao.

- Việc đôn đốc, kiểm tra, giám sát đầu tư, xử lý khó khăn vướng mắc: Sở Tài chính đang phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện³¹.

²⁹ Theo Báo cáo số 346/BC-STC ngày 18/12/2023 về công tác CCHC năm 2023, đạt 108,1 (13.169/12.177 tỷ) so với kế hoạch HĐND tỉnh giao (từ ngày 01/01/2023 – 07/12/2023).

³⁰ Theo Báo cáo số 346/BC-STC ngày 18/12/2023 về công tác CCHC năm 2023, đạt 114,3% (13.169/11.517 tỷ) so với kế hoạch Trung ương (từ ngày 01/01/2023 – 07/12/2023).

³¹ Thực hiện Công văn số 680/VP-KT ngày 22/01/2024 của Văn phòng UBND tỉnh về đôn đốc phân bổ, nhập dự toán Tabmis và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước năm 2024 của các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương; Công văn 812/UBND-KT ngày 23/4/2024 của UBND tỉnh đẩy nhanh tiến độ phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công năm 2024; rà soát điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; công văn 1296/UBND-KT ngày 19/6/2024 của UBND tỉnh về việc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; công văn số 1579/UBND-KT ngày 24/7/2024 của UBND tỉnh về việc triển khai nhiệm vụ, giải pháp tài chính ngân sách 6 tháng cuối năm 2024; Công văn số 1832/UBND-KT ngày 26/8/2024 của UBND tỉnh về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; công văn số 9416/VP-KT ngày 03/10/2024 của Văn phòng UBND tỉnh về chuẩn bị nội dung kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư; 10035/VP-KT ngày 21/10/2024 của Văn phòng UBND tỉnh về công khai các dự án giải ngân

+ Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công đến ngày 05/12/2024 giá trị giải ngân so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao là 3.524.392/5.640.142 triệu đồng, đạt 62,49% giảm 15,76% (62,49%-78,25%) so với cùng kỳ³²; so kế hoạch HĐND tỉnh giao là 3.524.392/7.959.631 triệu đồng, đạt 44,28% kế hoạch giảm 21,05% (42,33%-65,33%) so với cùng kỳ³³.

Ước thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/01/2025, giá trị giải ngân là 7.565.050/5.640.142 triệu đồng, đạt 134,13% so kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao; giá trị giải ngân là 7.565.050/7.959.631 triệu đồng, đạt 95,04% so kế hoạch Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

Đánh giá tình hình về hoạt động triển khai thực hiện đầu tư công năm 2024: Tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, thực hiện đồng bộ các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ giải ngân đầu tư công, thường xuyên kiểm tra đôn đốc các đơn vị, chủ đầu tư đẩy nhanh các thủ tục, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhất là trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ giải ngân, nhất là các công trình trọng điểm, thực hiện nghiêm túc công tác đấu thầu theo hình thức đấu thầu qua mạng đảm bảo đúng quy định, tăng cường công tác hậu kiểm, đảm bảo tuân thủ các quy định và hiệu quả các dự án đầu tư công. Các sở, ngành, các cấp nghiêm túc kiểm điểm trách nhiệm nhất là vai trò của người đứng đầu, khắc phục những tồn tại, hạn chế có giải pháp cụ thể để thực hiện giải ngân đầu tư công năm 2024 đạt hiệu quả cao nhất.

- Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN:

* Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách (nếu có):

- Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch số 07/KH-STC ngày 10/01/2024 về việc theo dõi đôn đốc các đơn vị tổ chức thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước từ năm 2023 trở về trước và Kết luận thanh tra của Thanh tra Bộ Tài chính; Thực hiện Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 18/6/2024; Thực hiện Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 28/02/2024 và Công văn số 1653/UBND-KT ngày 02/8/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và Kết luận Thanh tra của Thanh tra Bộ Tài chính và Kế hoạch số 294/KH-UBND ngày 14/12/2023 về kế hoạch thanh tra của tỉnh Kiên Giang năm 2024, Sở Tài chính đã ban hành Quyết định số 514/QĐ-STC ngày 20/12/2023 về việc phê duyệt kế hoạch kiểm tra năm 2024 của Thanh tra Sở Tài chính. Đồng thời, Sở Tài chính đã ban hành các văn bản về đôn đốc các

dưới 30% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 nguồn NSTW (vốn trong nước) do địa phương quản lý; Công văn số 2380/UBND-KT ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh về khẩn trương hoàn thành thủ tục đầu tư để giao 100% kế hoạch đầu tư công năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

³² Theo Báo cáo số 346/BC-STC ngày 18/12/2023 về công tác CCHC năm 2023, đạt 78,25 (4.367,78/5.581,736 tỷ) so với kế hoạch Trung ương (từ ngày 01/01/2023 – 08/12/2023)

³³ Theo Báo cáo số 346/BC-STC ngày 18/12/2023 về công tác CCHC năm 2023, đạt 65,33% (4.367,708/6.685,471 tỷ) so kế hoạch HĐND tỉnh giao (từ ngày 01/01/2023 – 08/12/2023)

đơn vị thực hiện và tổng hợp trình UBND tỉnh báo cáo tiến độ về cho các cơ quan theo quy định³⁴.

- Đến thời điểm báo cáo, tỉnh đã thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và Thanh tra Bộ Tài chính Đến thời điểm báo cáo, tỉnh đã thực hiện theo kiến nghị xử lý các khoản chênh lệch thu, chi ngân sách Nhà nước và các khoản

³⁴ - Thực hiện Công văn số 175/KTNN-TH ngày 13/10/2023 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực V (Ngân sách địa phương năm 2022, chuyên đề việc quản lý, sử dụng quỹ bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020 - 2022 của tỉnh Kiên Giang), Sở Tài chính đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 28/02/2024, về thực hiện các kiến nghị theo kết luận, kiến nghị theo yêu cầu công văn.

- Thực hiện Công văn số 403/KV V-TH ngày 15/5/2024 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực V, Sở Tài chính đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 18/6/2024 về việc thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước từ năm 2022 trở về trước và kết luận Thanh tra của Thanh tra Bộ Tài chính (điều chỉnh Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 11/7/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang).

- Thực hiện Công văn số 338/KTNN-KV V ngày 27/6/2024 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực V về việc trả lời kiến nghị kiểm toán tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2009-2021, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân ban hành Công văn số 1653/UBND-KT ngày 02/8/2024 về việc điều chỉnh kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 18/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang;

- Công văn số 3289/STC-TTr ngày 29/12/2023 về thực hiện kết luận, kiến nghị KTNN và Kết luận của Thanh tra Bộ Tài chính; Công văn số 522/STC-TTr ngày 11/3/2024 về thực hiện kết luận, kiến nghị KTNN theo Công văn số 248/UBND-KT ngày 30/01/2024, Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 11/7/2023 và Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 28/02/2024; Công văn số 2370/STC-TTr ngày 16/9/2024 về việc báo cáo tình hình thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và Thanh tra Bộ Tài chính theo Kế hoạch 57/KH-UBND và Kế hoạch 201/KH-UBND. Qua các báo cáo của các đơn vị gửi về, Sở Tài chính đã tổng hợp dự thảo báo cáo tình hình thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và Thanh tra Bộ Tài chính, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký ban hành tại Công văn số 2779/STC – TTr ngày 20/11/2023 về việc dự thảo báo cáo tình hình thực hiện Kết luận thanh tra số 1350/KL-TTr ngày 09/12/2022 của Thanh tra Bộ Tài chính (Báo cáo số 67/BC-UBND ngày 16/02/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang); Công văn số 392/STC-TTr về việc trình ký báo cáo về việc thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước từ năm 2022 trở về trước của tỉnh Kiên Giang (Báo cáo số 92/BC-UBND ngày 28/02/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang; Đồng thời Sở Tài chính có Báo cáo số 48/BC-STC ngày 23/02/2024 về thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước từ năm 2022 trở về trước và Kết luận thanh tra của Thanh tra Bộ Tài chính; Công văn số 1215/STC-TTr về việc trình ký báo cáo về việc thực hiện kết luận, kiến nghị KTNN năm 2023 của tỉnh Kiên Giang (Báo cáo số 315/BC-UBND ngày 28/6/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang; Công văn số 2831/STC-TTr ngày 24/10/2024 về việc trình ký báo cáo về việc thực hiện kết luận, kiến nghị KTNN năm 2023 và các Chuyên đề của tỉnh Kiên Giang (Báo cáo số 534/BC-UBND ngày 04/11/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang); Công văn số 2890/STC-TTr ngày 12/11/2024 về việc trình ký báo cáo về việc thực hiện kết luận, kiến nghị KTNN năm 2023 và các Chuyên đề và các năm trước chưa thực hiện của tỉnh Kiên Giang (Báo cáo số 552/BC-UBND ngày 14/11/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang).

- Sở Tài chính có Tờ trình số 373/TTr-STC ngày 12/12/2023 về việc thành lập Đoàn kiểm tra việc quản lý tiền công đức tại các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3255/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 về việc kiểm tra tổng thể việc quản lý tiền công đức, tài trợ tại các di tích lịch sử-văn hóa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra tổng thể việc quản lý tiền công đức, tài trợ tại các di tích lịch sử-văn hóa tại các di tích lịch sử-văn hóa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, Đoàn kiểm tra báo cáo kết quả kiểm tra với UBND tỉnh, đồng thời dự thảo báo cáo Bộ Tài chính theo quy định (Kế hoạch số 294/KH-UBND ngày 14/12/2023 về kế hoạch thanh tra của tỉnh Kiên Giang năm 2024, Sở Tài chính đã ban hành Quyết định số 514/QĐ-STC ngày 20/12/2023)

- Sở Tài chính ban hành Quyết định số 151/QĐ-STC ngày 13/5/2024 về việc tổng kiểm tra, rà soát việc cấp thẻ BHYT cho các đối tượng được ngân sách Nhà nước đóng, hỗ trợ tiền đóng BHYT năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, kết quả kiểm tra không phát hiện thẻ trùng bảo hiểm y tế, đồng thời đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính theo quy định (Kế hoạch số 294/KH-UBND ngày 14/12/2023 về kế hoạch thanh tra của tỉnh Kiên Giang năm 2024, Sở Tài chính đã ban hành Quyết định số 514/QĐ-STC ngày 20/12/2023)

xử lý tài chính khác của Kiểm toán Nhà nước từ năm 2015 đến năm 2022, cụ thể như sau:

+ Đối với Kết luận, kiến nghị của Thanh tra Bộ Tài chính: đã thực hiện số tiền là 488,879 tỷ đồng/501,886 tỷ đồng, đạt 97,41%, còn lại 13,007 tỷ đồng đang tiếp tục thực hiện.

+ Đối với Kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước từ năm 2022 trở về trước:

+ Kiến nghị xử lý về tài chính: đã thực hiện 1.704,685 tỷ đồng/1.753,678 tỷ đồng, đạt 97,21%, còn lại 48,994 tỷ đồng đang tiếp tục thực hiện.

+ Kiến nghị xử lý khác về tài chính: đã thực hiện 2.774,876 tỷ đồng/2.775,925 tỷ đồng, đạt 99,96%, còn lại 1,049 tỷ đồng đang tiếp tục thực hiện.

- Đối với kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2023 (Ngân sách địa phương năm 2022, chuyên đề việc quản lý, sử dụng quỹ bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020 - 2022 của tỉnh Kiên Giang). Đến thời điểm báo cáo tình hình thực hiện cụ thể như sau:

+ Kiến nghị xử lý về tài chính: đã thực hiện 68,159 tỷ đồng/69,906 tỷ đồng, đạt 97,5%, còn lại 1,746 tỷ đồng đang tiếp tục thực hiện.

+ Kiến nghị xử lý tài chính khác: đã thực hiện 280,850 tỷ đồng/330,764 tỷ đồng, đạt 84,91%, còn lại 49,915 tỷ đồng đang tiếp tục thực hiện.

b) Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.

- Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh: Tất cả cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị mình đã tham mưu ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công với quy chế chi tiêu nội bộ, Sở Tài chính đã lồng ghép các cuộc kiểm tra trong công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, đơn vị (Trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Trường trung cấp nghề Tứ Giác Long Xuyên; các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kiên Giang)³⁵.

³⁵ - Thực hiện Kế hoạch số 294/KH-UBND ngày 14/12/2023 về kế hoạch thanh tra của tỉnh Kiên Giang năm 2024, Sở Tài chính đã ban hành Quyết định số 514/QĐ-STC ngày 20/12/2023:

+ Thanh tra Sở Tài chính đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-TTr ngày 02/4/2024, về việc Thanh tra các Trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (Trường THCS và THPT Vĩnh Hòa, Trường THCS và THPT Phan Thị Ràng, Trường THCS và THPT Mong Thọ), kết quả thanh tra phát hiện sai phạm số tiền 687.357.890 đồng, trong đó: kiến nghị thu hồi nộp ngân sách 196.336.136 đồng (đã thực hiện 167.780.136 đồng, còn lại 28.556.000 đồng đang thực hiện, đạt 85,46% kiến nghị), xử lý khác về tài chính 491.021.754 đồng (đã thực hiện 491.021.754 đồng, đạt 100% kiến nghị), qua thanh tra kiến nghị cấp có thẩm quyền kiểm điểm trách nhiệm đối với 5 cá nhân, kiểm điểm rút kinh nghiệm 01 cá nhân và tự rút kinh nghiệm 01 cá nhân.

+ Thanh tra Sở Tài chính đã ban hành Quyết định số 03/QĐ-TTr ngày 02/4/2024 về việc Thanh tra Trường trung cấp nghề Tứ Giác Long Xuyên, kết quả thanh tra phát hiện sai phạm số tiền 418.780.761 đồng, trong đó: thu hồi nộp ngân sách 381.314.849 đồng (đã thực hiện 381.314.849 đồng, đạt 100% kiến nghị), xử lý khác 37.465.912

- Về chuẩn hóa dữ liệu trong Phần mềm Quản lý tài sản công: Tiếp tục thực hiện Công văn số 6536/BTC-QLCS ngày 23/6/2023 về việc chuẩn hóa dữ liệu trong Phần mềm Quản lý tài sản công; theo dõi và tổng hợp, chuẩn hóa, cập nhật số liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo Công văn số 1621/STC-QLGCS ngày 18/7/2023 chuẩn hóa dữ liệu trong phần mềm quản lý tài sản công. Tuy nhiên, Phần mềm Quản lý tài sản công thường báo lỗi gây trở ngại trong việc chuẩn hóa dữ liệu. Kết quả cập nhật dữ liệu đến ngày 14/12/2024, đạt trên 80%.

- Về sắp xếp lại, xử lý nhà đất: Tiếp tục rà soát, theo dõi thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất đã được UBND tỉnh phê duyệt theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP và tiếp tục triển khai thực hiện Công văn số 1702/STC-QLGCS ngày 26/7/2023 về việc tiếp tục khẩn trương thực hiện công tác sắp xếp lại, xử lý tài sản công theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP, đạt trên 92,94%.

c) Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản khác có liên quan, đến ngày 14/12/2024:

+ Cấp huyện: có 129 Quyết định phê duyệt phương án tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP đối với 643 đơn vị sự nghiệp công lập được giao cơ chế tự chủ³⁶; ³⁷có số đơn vị tăng loại hình tự chủ một phần (nhóm 3) và số đơn vị tăng loại hình tự chủ tự đảm bảo 100% chi thường xuyên (nhóm 2).

đồng (đã thực hiện 37.465.912 đồng, đạt 100% kiến nghị), qua thanh tra kiến nghị cấp có thẩm quyền kiểm điểm trách nhiệm đối với 03 cá nhân và tự rút kinh nghiệm 01 cá nhân.

+ Thanh tra Sở Tài chính đã ban hành Quyết định số 07/QĐ-TTr ngày 18/6/2024 về việc thanh tra chấp hành các quy định pháp luật về quản lý thu, chi tài chính và quản lý tài sản công đối với các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kiên Giang, kết quả thanh tra phát hiện sai phạm 11.325.000 đồng, kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước 11.325.000 đồng (đã thực hiện 100% kiến nghị), qua thanh tra đã kiến nghị cấp có thẩm quyền kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với 01 cá nhân và tự rút kinh nghiệm đối với 03 cá nhân.

+ Báo cáo báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023 theo Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ và Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 Bộ Tài chính: Sở Tài chính đã có Báo cáo 61/BC-STC ngày 13/03/2024 tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023.

- Ngoài ra, Sở Tài chính đã ban hành Quyết định 120/QĐ-STC ngày 27/4/2023 ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công và Quyết định 80/QĐ-STC ngày 11/03/2024 quy định về chi tiêu nội bộ). Đồng thời, Sở Tài chính có Công văn số 881/STC-QLGCS ngày 16/4/2024 về việc cử thành viên tham gia BCĐ kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang.

³⁶ Cấp huyện: Đơn vị SNCL 6 tháng đầu năm 2024 đã giảm 15 đơn vị (Trung tâm y tế các huyện, thành phố) do chuyển về sự nghiệp Y tế cấp tỉnh quản lý. Sáp nhập trường mầm non Minh Thuận 2 vào trường mầm non Minh Thuận 1 và đổi tên thành trường mầm non Minh Thuận.

³⁷ Cấp huyện: Số đơn vị tăng loại hình tự chủ một phần (nhóm 3) và số đơn vị tăng loại hình tự chủ tự đảm bảo 100% chi thường xuyên (nhóm 2):

+ (Nhóm 3) Năm 2023: Ban Quản lý công trình công cộng đô thị huyện từ mức độ tự chủ nhóm 3 (từ 10% đến dưới 30%) theo Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2023 UBND huyện Kiên Lương,

Năm 2024 Ban Quản lý công trình công cộng đô thị huyện tăng loại hình tự chủ từ nhóm 3 lên nhóm 2 (100% chi thường xuyên) theo Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của UBND huyện Kiên Lương;

+ (Nhóm 4) Năm 2023: Trung tâm Văn hóa và Thể thao, Truyền thanh huyện từ mức độ tự chủ nhóm 4 (dưới 10%) theo Quyết định 1591/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2023 UBND huyện Kiên Lương,

+ Cấp tỉnh: có 143/144³⁸ đơn vị sự nghiệp công lập đã được giao cơ chế tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; không có đơn vị tăng loại hình tự chủ nhóm 2 và nhóm 3.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

- Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số ở cơ quan:

+ Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật: Đã ban hành Quy chế bảo đảm an toàn, an ninh mạng Hệ thống thông tin Sở Tài chính tại Quyết định số 301/QĐ-STC ngày 12/8/2024; Hồ sơ đề xuất cấp độ Hệ thống mạng LAN của Sở Tài chính đang trong quá trình hoàn thiện trình Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định, phê duyệt.

+ Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ: không có.

+ Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp: không có.

+ Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh: Không có.

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4: Không có.

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình:

+ Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình: 9 thủ tục, đạt tỷ lệ 100%,

+ Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình: 9 thủ tục.

+ Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến: 03 thủ tục.

- Tổng hồ sơ TTHC được số hóa, kết quả xử lý trên Cổng dịch vụ công của tỉnh, tại trang <https://motcua.kiengiang.gov.vn/vi/statistics/statistic-dossier-sector-kgg>.

1) Công khai, minh bạch, đạt 100%;

(2) Tiên độ giải quyết hồ sơ, đạt 100%;

(3) Dịch vụ công công trực tuyến, đạt 100%;

(4) Thanh toán trực tuyến, tỷ lệ 0% (đạt 100%);

(5) Mức độ hài lòng, đạt 100%;

Năm 2024 Trung tâm Văn hóa và Thể thao, Truyền thanh huyện tăng loại hình tự chủ từ nhóm 4 lên nhóm 3 (Đơn vị tự đảm bảo từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên) theo Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của UBND huyện Kiên Lương.

³⁸ Cấp tỉnh: quý 3 giảm 01 đơn vị so với 6 tháng đầu năm 2024 (từ 145 xuống còn 144 đơn vị), cụ thể:

- Giảm 03 đơn vị SNCL do sáp nhập (từ Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng, Đoàn cải lương nhân dân, Trung tâm Văn hóa tỉnh) thành lập Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh chưa có quyết định giao tự chủ của cấp có thẩm quyền trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao.

- Bổ sung thêm Ban quản lý Khu bảo tồn biển tỉnh Kiên Giang tách ra từ vườn quốc gia Phú Quốc (trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

(6) Số hóa hồ sơ (TTHC), đạt 100%.

- Tổng hồ sơ TTHC được số hóa, kết quả xử lý trên Cổng dịch vụ công Quốc gia tại trang <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-mucdohailong.html> theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng thực hiện giải quyết TTHC, cụ thể như sau:

(1) Công khai, minh bạch, đạt 3,4% xếp vị trí thứ 19/19 đơn vị;

(2) Tiến độ giải quyết hồ sơ, đạt 88,24% xếp vị trí thứ 13/19 đơn vị;

(3) Dịch vụ công trực tuyến, đạt 78,8%, xếp vị trí thứ 4/19 đơn vị;

(4) Thanh toán trực tuyến, tỷ lệ 0%, (Sở Tài không có 01 TTHC thực hiện thu phí thực hiện DVC trực tuyến, tuy nhiên trong năm 2024 chưa phát sinh hồ sơ);

(5) Mức độ hài lòng, đạt 99,1%, xếp vị trí thứ 9/19 đơn vị;

(6) Số hóa hồ sơ (TTHC), đạt 72,2%, xếp vị trí thứ 6/19 đơn vị.

Nguyên nhân.

- Về công khai, minh bạch TTHC trễ thời gian quy định về tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định công bố, công khai danh mục TTHC và công bố danh mục và quy trình nội bộ giải quyết TTHC và chưa đồng bộ giữa cổng dịch vụ của Bộ Tài chính với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia (dichvucong.gov.vn) với số hồ sơ từ phần mềm chuyên ngành của Bộ Tài chính chưa kết nối, chưa đồng bộ; tái sử dụng tài liệu số hóa còn hạn chế.

Giải pháp.

- Tập trung cập nhật công khai TTHC kịp thời đúng quy định; đẩy mạnh khai thác tái sử dụng tài liệu số hóa.

III. ĐÁNH GIÁ:

1. Mặt tích cực

Lãnh đạo Sở quan tâm, chỉ đạo triển khai thực hiện công tác CCHC tại đơn vị rất thường xuyên, định kỳ hàng tháng tại cuộc họp Đảng ủy mở rộng. Ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện cải cách hành chính ở cơ quan, chủ động thực hiện các nhiệm vụ quản lý tài chính ngân sách và quản lý tài sản công góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh giao.

Việc tham mưu ban hành các văn bản QPPL liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Sở, luôn chủ động thực hiện theo quy định.

Công tác rà soát TTHC được Sở Tài chính thực hiện thường xuyên.

Về bộ máy cơ cấu tổ chức tiếp tục được rà soát, sắp xếp tinh gọn; nhận thức của cán bộ, công chức và người lao động trong việc chấp hành kỷ luật, kỷ

cương hành chính được nâng lên, chấp hành tốt giờ giấc, nội quy, quy chế làm việc.

Việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan được triển khai đồng bộ, hiệu quả.

Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh (đối với TTHC), kết hợp qua dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, dịch vụ bưu chính viễn thông; quy trình giải quyết TTHC được áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 đã góp phần nâng cao chất lượng giải quyết công việc hành chính tại cơ quan; tạo nhiều thuận lợi, tiết kiệm được thời gian và công sức của tổ chức, cá nhân khi có nhu cầu giải quyết về thủ tục hành chính.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân:

Tham mưu công bố thủ tục hành chính đôi lúc còn chậm so với quy định; công tác rà soát TTHC nội bộ còn kéo dài, chậm tham mưu công bố.

Nguyên nhân:

- Có nhiều thủ tục hành chính mới có quy trình xử lý phức tạp liên quan nhiều cơ quan, thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài chính, nhưng không thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính nên cần nghiên cứu kỹ đối tượng thực hiện trước khi tham mưu công bố.

- Thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tài chính có số lượng lớn đòi hỏi nhiều thời gian để rà soát lập danh mục và xây dựng nội dung xử lý thủ tục.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM

Thường xuyên chỉ đạo công tác CCHC hàng quý để rà soát, xử lý các vướng mắc, khó khăn và tập trung trung giải quyết TTHC. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ được giao tại các Phụ lục của Kế hoạch số 288/KH-UBND ngày 20/9/2024 và Kế hoạch số 302/KH-UBND ngày 21/12/2023, Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 23/02/2022.

Tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn và đề xuất biện pháp xử lý đối với các đơn vị chưa thực hiện Kết luận của Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước.

Tiếp tục thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý theo NĐ 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ.

Tiếp tục đôn đốc các đơn vị sự nghiệp triển khai phương án tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và thẩm định, có ý kiến đối với phương án tự chủ tài chính do các đơn vị gửi thẩm định.

Tham mưu xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực của ngành; tăng cường công tác kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời đề xuất xây dựng mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ.

Thường xuyên rà soát, đánh giá các TTHC thuộc lĩnh vực ngành quản lý để chủ động tham mưu cho cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định công bố danh

mục TTHC; công khai đầy đủ các quy định về TTHC để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, thực hiện và giám sát.

Duy trì công tác tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC qua Trung tâm Phục vụ hành chính công, trang dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và Bộ Tài chính; hạn chế tối đa hồ sơ giải quyết trễ hẹn.

Tăng cường sử dụng thư điện tử công vụ trong quá trình trao đổi, giải quyết công việc; tích cực nâng cao tỷ lệ văn bản đi sử dụng chữ ký số; thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về công tác cải cách hành chính lên Trang thông tin điện tử của Sở Tài chính.

Tiếp tục triển khai thực hiện tinh giản biên chế theo nội dung Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ.

Trên đây là báo cáo công tác cải cách hành chính năm 2024 của Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- BGĐ sở;
- LDVP;
- Lưu: VT; VP, qvphung.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Quốc Khởi

Phụ lục 1
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
Năm 2024

(Kèm theo báo cáo số /BC-STC ngày /12/2024 của Sở Tài chính)

Biểu mẫu 1

Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	32	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	100%	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	32	Số 01/KH-STC ngày 03/01/2024
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	32	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1	Số sở, ban, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	1	Tự kiểm tra công tác CCHC năm 2024 theo Kế hoạch 09/KH-STC và Kế hoạch số 172/KH-ĐKT: Qua kiểm tra tại Báo cáo số 213/BC-STC ngày 06 tháng 6 năm 2024, Sở Tài chính không có vấn đề cần khắc phục.
3.2	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0	Không có vấn đề phát hiện qua kiểm tra cần xử lý
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	

3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)		0	Không thuộc thẩm quyền của Sở
4.1	Số cơ quan, đơn vị, địa phương được thanh tra	%	0	
4.2	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, địa phương đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	0	
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	35	
5.2	Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	26	
5.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	2	
5.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1 Không = 0	0	Do hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả giải quyết 100% theo hình thức trực tuyến trên DVC.
6.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	0	
6.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	

Phụ lục 1
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
Năm 2024

(Kèm theo báo cáo số /BC-STC ngày /12/2024 của Sở Tài chính)

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành			
1.1	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	4	Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 22/7/2024 của HĐND tỉnh; Quyết định 03/2024/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 của UBND tỉnh; Quyết định 17/2024/QĐ-UBND ngày 03/06/2024 của UBND tỉnh; Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 04/11/2024 của UBND tỉnh
1.2	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	0	
1.3	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		01	
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	01	
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 04/11/2024 sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 Quyết định số 13/2020/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng và diện tích công trình sự nghiệp khác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang. Quyết định số 13/2020/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 được Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật – Bộ Tư pháp kết luận có nội dung cơ sở pháp lý chưa phù hợp, có nội dung trái pháp luật nhưng chưa xảy ra trường hợp áp dụng dẫn đến sai pháp luật, chưa gây ra hậu quả trong thực thi văn bản, chưa nhận được phản ánh khó khăn, vướng mắc từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thi hành văn bản trên.
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	01	
2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	01	
3	Rà soát VBQPPL		28	

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền cấp tỉnh	Văn bản	28	Công văn số 3071/STC-VP ngày 21/11/2024 của Sở Tài chính
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.2	Tổng số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

Phụ lục 1
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Năm 2024

(Kèm theo báo cáo số /BC-STC ngày /12/2024 của Sở Tài chính)

Biểu mẫu 3

Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	04	Năm 2024: Công bố danh mục, quy trình nội bộ 04 TTHC theo 03 Quyết định: (1) số 2785/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 về 02 TTHC ((1) Chuyển giao công trình điện là hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác do chủ đầu tư phải bàn giao lại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật; (2) Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				ngân sách nhà (Tờ trình số 334/TTr-STC ngày 10/10/2024); (2) số 2953/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 về 01 TTHC (Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất) (Tờ trình số 371/TTr-STC ngày 06/11/2024); (3) số 3065/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 về 02 TTHC ((1) Hiệp thương giá, (2) Điều chỉnh hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo yêu cầu của tổ chức cá nhân)
1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	12	Bãi bỏ 12 TTHC
1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	9	
1.4.1	Số TTHC cấp tỉnh (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	9	
1.4.2	Số TTHC cấp huyện (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục		
1.4.3	Số TTHC cấp xã (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục		

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	0	
2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	4	Liên thông với UBND tỉnh (Trong đó có 6 ³⁹ (có 04 ⁴⁰ TTHC năm 2024) liên thông với Văn phòng UBND tỉnh (thuộc các lĩnh vực: Tài chính doanh nghiệp 02, Quản lý Công sản 04)).

³⁹ - **Bãi bỏ năm 2024 01 TTHC liên thông với UBND tỉnh theo quyết định số 2524/QĐ-UBND** ngày 16/9/2024 (Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công – tư;

- **Công bố mới 2024 02 TTHC theo Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 15/10/2024** (Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước); Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 (Quyết định số 2772/QĐ-UBND ngày 14/10/2024) Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất;

- **Công bố 04 TTHC trước năm 2024** Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 (Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng); Quyết định số 1151/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 (Xử lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp, Cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc địa phương; Hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội

⁴⁰ (1) Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước; (2) Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng; (3) Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất; (4) Thủ tục cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc địa phương.

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	9	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ban, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	31	
3.1.2	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	31	
3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND các huyện, thành phố tiếp nhận được giải quyết đúng hạn			
3.2.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong			
3.2.2	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn			
3.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn			
3.3.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong			
3.3.2	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn			
3.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	Không có PAKN
3.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.4.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	

Phụ lục 1
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
Năm 2024

(Kèm theo báo cáo số /BC-STC ngày /12/2024 của Sở Tài chính)

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1	Tỷ lệ sở, ban, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2	Tỷ lệ UBND các huyện, thành phố đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	Cơ quan, đơn vị	0	
1.3	Số ban quản lý trực thuộc UBND tỉnh		0	
1.4	Số lượng tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập		0	
1.5	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) trên địa bàn tỉnh		0	Không có ĐVSNCL
1.5.1	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh		0	
1.5.2	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương		0	
1.5.3	Số ĐVSNCL thuộc UBND các huyện, thành phố		0	
1.5.4	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015		0	
2	Số liệu về biên chế công chức			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	68	
2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	63	
2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, tổ chức hành chính	Người	05	
2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2021	%	100	Biên chế UBND tỉnh giao năm 2024 là 68 biên chế so với năm 2021 là 73 đã bị cắt giảm 05 biên; (+ TGBC 2021: 02 người, 2024: 03 người;+ TGBC 5/5, chiếm tỷ lệ 100%)
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập		0	Không có ĐVSNCL
3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	0	
3.2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	0	
3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	0	

Phụ lục 1
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
Năm 2024

(Kèm theo báo cáo số /BC-STC ngày /12/2024 của Sở Tài chính)

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1	
1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	Không có ĐVSN
1.3	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
2.3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
2.4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	Không có viên chức
2.5	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	
4.1	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2	Số lãnh đạo sở, ban, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.3	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ban, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.4	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các ĐVSNCL bị kỷ luật.	Người	0	

Phụ lục 1
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Năm 2024

(Kèm theo báo cáo số /BC-STC ngày /12/2024 của Sở Tài chính)

Biểu mẫu 6

Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (UBND cấp huyện)	Số liệu (Cấp tỉnh)	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		44,28%	
1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		7.959.631	KH HĐND giao
1.2	Đã thực hiện	Triệu đồng		3.524.392	Ước đến ngày 05/12/2024
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh (lũy kế đến thời điểm báo cáo)				
2.1	Tổng số ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị	643	144	787
2.2	Số ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị	9	0	9
2.3	Số ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị	31	19	50
2.4	Số ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị	62	99	161

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (UBND cấp huyện)	Số liệu (Cấp tỉnh)	
2.4.1	Số ĐVSNCL tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	2	3	5
2.4.2	Số ĐVSNCL tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	3	30	33
2.4.3	Số ĐVSNCL tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	57	66	123
2.5	Số ĐVSNCL do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	541	26	567
2.6	Số ĐVSNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	0	0

Phụ lục 1
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
Năm 2024

(Kèm theo báo cáo số /BC-STC ngày /12/2024 của Sở Tài chính)

Biểu mẫu 7

Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (Số, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1			Không thuộc thẩm quyền báo cáo của Sở
2	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2			
3	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%			
4	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2			

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu <i>(Số, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)</i>	Số liệu <i>(cấp tỉnh)</i>	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử				
5.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã				
5.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100		
5.1.2	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%			
5.1.3	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%			
5.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử trên địa bàn tỉnh <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)</i>	%			
5.2.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành	%	100		Tổng số VB đến: 20.872 - Tổng số VB đến được luân chuyển, xử lý trên môi trường mạng: 20.872 - Tổng số VB đi (trừ VB mật): 5.695 - Tổng số VB đi được gửi dưới dạng điện tử:

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (Số, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
					5.695
5.2.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND các huyện, thành phố	%			
5.2.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%			
5.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh	%			
5.3.1	Tỷ lệ sở, ban, ngành đã kết nối liên thông với hệ thống	%	100		
5.3.2	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%			
5.3.3	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%			
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	%			
6.1	Tỷ lệ TTHC toàn trình đủ điều kiện	%	100		9/9 TTHC đang thực hiện toàn trình; Sở Tài không có TTHC thực hiện thu phí thực hiện DVC trực tuyến
6.1.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	Thủ tục	9		
6.1.2	Số lượng TTHC toàn trình	Thủ tục	9		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (Số, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
6.1.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình đủ điều kiện có phát sinh hồ sơ	Thủ tục	03		<ul style="list-style-type: none"> - Mua hóa đơn lẻ (đã bãi bỏ tại quyết định số 2958/QĐ-UBND ngày 08/11/2024); - Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách; - 1.005429.000.00.00.H33: Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công (đã bãi bỏ tại Quyết định số 2524/QĐ-UBND ngày 16/9/2024);
6.2	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	0		
6.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	Thủ tục	0		
6.2.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4	Thủ tục	0		
6.2.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có	Thủ tục	0		

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu <i>(Số, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)</i>	Số liệu <i>(cấp tỉnh)</i>	
	phát sinh hồ sơ				
6.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên cổng dịch vụ công quốc gia.	%	0		
6.3.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 trên địa bàn tỉnh.	Thủ tục	0		
6.3.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên cổng dịch vụ công quốc gia.	Thủ tục	0		
6.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến toàn trình <i>(chỉ thống kê đối với TTHC có phát sinh hồ sơ)</i> .	%	33,33		3/9 TTHC có phát sinh hồ sơ
6.4.1	Tổng số hồ sơ của TTHC được tiếp nhận (cả trực tuyến và trực tiếp)	Hồ sơ	31		
6.4.2	Số hồ sơ đã trực tuyến	Hồ sơ	31		
6.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	0		
6.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí...)	Thủ tục	0		
6.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC	Thủ tục	0		

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu <i>(Số, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)</i>	Số liệu <i>(cấp tỉnh)</i>	
	của tỉnh.				

Phụ lục II

CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC ĐÃ BAN HÀNH

(Kèm theo báo cáo số /BC-STC ngày /12/2024 của Sở Tài chính)

S T T	Số văn bản	Ngày, tháng	Nội dung
1	01/KH-STC	03/01/2024	Cải cách hành chính năm 2024
2	02/KH-STC	03/01/2024	Duy trì hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 năm 2024
3	03/KH-STC	03/01/2024	Thực hiện Mục tiêu chất lượng ISO năm 2024
4	04/KH-STC	04/01/2024	Kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2024 của Sở Tài chính Kiên Giang
5	05/KH-STC	05/01/2024	Thông tin, tuyên truyền về kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2023 của Sở Tài chính Kiên Giang
6	07/KH-STC	10/01/2024	Về việc theo dõi đôn đốc các đơn vị tổ chức thực hiện kết luận, kiến nghị của KTNN từ năm 2023 trở về trước và Kết luận Thanh tra của Thanh tra Bộ Tài chính
7	09/KH-STC	18/01/2024	Kiểm tra Công tác cải cách hành chính năm 2024
8	12/KH-STC	23/01/2024	Kiểm tra nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2024 của Sở Tài chính Kiên Giang
9	13/KH-STC	23/01/2024	Phát động phong trào thi đua năm 2024
10	15/STC-VP	03/01/2024	Về việc đăng ký rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2024
11	15/KH-STC	24/01/2024	Thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024

12	297/STC-TTr	01/02/2024	V/v tiếp tục thực hiện các kiến nghị kiểm toán đối với kiểm toán NS năm 2020 trở về trước (Công văn 249/UBND-KT ngày 30/01/2024 của UBND tỉnh về việc đôn đốc thực hiện Kế hoạch số 181/KH-UBND và các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước)
13	27/KH-STC	27/02/2024	Tin giản biên chế công chức của Sở Tài chính năm 2024 và giai đoạn 2024 - 2026
14	23/KH-STC	27/02/2024	Thực hiện chuyển đổi số năm 2024
15	78/QĐ-STC	07/3/2024	Về việc ban hành chương trình của Sở Tài chính về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024
16	27/KH-STC	22/3/2024	Kiểm soát xung đột lợi ích năm 2024 tại Sở Tài chính
17	28/KH-STC	22/3/2024	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng năm 2024
18	27/KH-STC	22/03/2024	Kiểm soát xung đột lợi ích năm 2024 tại Sở Tài chính
19	29/KH-STC	25/3/2024	Thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính năm 2024
20	32/KH-STC	28/3/2024	Điều động và chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức Sở Tài chính năm 2024
21	37/KH-STC	11/4/2024	Triển khai nhiệm vụ tài chính, ngân sách năm 2024
22	39/KH-STC	19/4/2024	Kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện văn hóa công vụ, công sở và chuyển đổi vị trí công tác năm 2024
23	43/KH-STC	25/4/2024	Kiểm tra các phong trào thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh phát động
24	1691/STC-QLNS	17/7/2024	Về việc báo cáo đề cương khảo sát, thu thập thông tin lập Kế hoạch Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2023 của tỉnh KG, chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2023 tại tỉnh Kiên Giang
25	1688/STC-VP	17/7/2024	Về việc cử thành viên tham gia Ban Soạn thảo, Tổ biên tập để nghiên cứu, xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của NSNN năm 2026
26	1685/STC-TCĐT	17/7/2024	Về việc hạch toán thu tiền bán nền trong các cụm tuyến dân cư và trả lãi vay các dự án sinh lợi, cụm tuyến dân cư

27	1767/STC-TTr	26/7/2024	Về việc trình ký văn bản điều chỉnh Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 18/6/2024 theo Công văn số 338/KTNN-KV V ngày 27/6/2024
28	1845/STC-TTr	02/8/2024	Về việc trình ký ban hành Kế hoạch của UBND tỉnh việc thực hiện Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 26/6/2024 của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
28	1909/STC-QLNS	09/8/2024	Về việc báo cáo kinh phí tiết kiệm cắt giảm 5% chi thường xuyên năm 2024
29	1913/STC-TCHCSN	09/8/2024	Về việc báo cáo tình hình thực hiện và tiến độ giải ngân kinh phí chi thường xuyên 2024 và đề xuất kinh phí cắt, giảm tiết kiệm theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ
30	2084/STC-QLNS	30/8/2024	Về việc báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp NSDP, tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách, các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSDP năm 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới trên địa bàn tỉnh và đề xuất phương án xây dựng các quy định năm 2026 và các năm tiếp theo.
31	2111/STC-QLNS	05/9/2024	Về việc rà soát, báo cáo những khó khăn, vướng mắc có liên quan đến việc huy động, sử dụng và thanh quyết toán nguồn thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch COVID-19 giai đoạn 2020-2022
32	74/KH-STC	11/9/2024	Tiếp tục thực hiện Đề án 06 của Sở Tài chính

Phụ lục III
TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TẠI CÁC
PHỤ LỤC KẾ HOẠCH 300/KH-UBND NGÀY 20/12/2023 CỦA UBND TỈNH
(Kèm theo báo cáo số /BC-STC ngày /12/2024 của Sở Tài chính)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Kết quả
1	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế, kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ	Báo cáo
2	Thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2023- 2026	<p>Sở Tài chính phối hợp cơ quan, đơn vị thực hiện và đã tổng hợp các Quyết định Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2023-2026; Công Văn số 392/STC-QLNS ngày 22/02/2023 của Sở Tài chính về việc báo cáo định kỳ tình hình thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP hằng quý, năm theo quy định; Công văn số 87/STC-TCHCSN ngày 13/01/2022 của Sở Tài chính về việc dự thảo văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.</p> <p>Tuy nhiên, Sở Tài chính không trực tiếp thực hiện nhiệm vụ này, chỉ phối hợp với các Sở, Ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện, xã</p>
3	- Ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc	Sở Tài chính phối hợp cơ quan, đơn vị thực hiện: Tham mưu Ủy ban nhân tỉnh tại Công văn số 611-STC-HCSN ngày 31/03/2022 tham mưu UBND tỉnh ban hành danh mục dịch vụ công và văn bản khác có liên quan như


<p>lĩnh vực phạm vi quản lý.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế, kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về giá và quy định của pháp luật. - Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý (thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP) 	<p>Công văn 87; công văn 392; Nghị quyết 84-NQ-HDND tỉnh về ban hành danh mục dịch vụ công (Giao dục đạo tạo) và những năm tiếp theo</p> <p>Tuy nhiên, Sở Tài chính không trực tiếp thực hiện nhiệm vụ này, chỉ phối hợp với các Sở, Ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện, xã</p>
<p>4</p> <p>Tăng cường quán triệt công tác công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo Thông tư số 61/2017/TTBTC và Thông tư số 90/2018/TT-BTC; công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC</p>	<p>Sở Tài chính phối hợp cơ quan, đơn vị thực hiện Công văn số 1985/STC-QLN ngày 29/8/2023 của Sở Tài chính về việc thực hiện công khai dự toán, quyết toán NSNN hàng năm; Công văn số 2328/STC-QLNS ngày 03/11/2022 về việc báo cáo tình hình thực hiện CKNS theo quy định Luật NSNN năm 2015 (bắt đầu từ năm 2022 đề nghị huyện, thành phố thực hiện Báo cáo về Sở Tài chính trước ngày 31/3 hằng năm phụ lục kèm theo); Công văn số 1597/STC-QLNS ngày 04/8/2022 về việc thực hiện công khai ngân sách theo quy định Luật NSNN năm 2015; Công văn số 755/STC-QLNS ngày 12/6/2018 về việc nhắc nhở thực hiện CKNS theo quy định Luật NSNN năm 2015 và công văn tác tự kiểm tra theo Quyết định 67/2004/QĐ-BTC, tiếp tục thực hiện. Đồng thời, Sở Tài chính không trực tiếp thực hiện nhiệm vụ này, chỉ phối hợp với các Sở, Ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện, xã</p>

Phụ lục IV
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CẢI THIỆN, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHỈ SỐ PAR INDEX VÀ SIMPAS
VỚI CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TẠI KẾ HOẠCH SỐ 288/KH-UBND NGÀY 20/9/2024 NĂM 2024
(Kèm theo báo cáo số /BC-STC ngày /12/2024 của Sở Tài chính)

STT	Nội dung	Kết quả	Thời gian thực hiện
A	VỀ CHỈ SỐ PAR INDEX VÀ SIPAS		
I	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG		
1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách		
1.1	<p>Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (NSNN) – Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì.</p> <p>- Cách thức đánh giá: Tỷ lệ phần trăm (%) giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công so với Kế hoạch Trung ương giao và Kế hoạch HĐND tỉnh giao hằng năm⁴¹.</p> <p>* Kết quả giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 số</p>	<p>+ Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công đến ngày 05/12/2024 giá trị giải ngân so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao là 3.524.392/5.640.142 triệu đồng, đạt 62,49% giảm 15,76% (62,49%-78,25%) so với cùng kỳ⁴²; so kế hoạch HĐND tỉnh giao là 3.524.392/7.959.631 triệu</p>	Theo quy định

⁴¹ Tại tiêu chí thành phần 1.1. Kết quả thẩm định CCHC năm 2023: Tại trang số 9 của Báo cáo 241/BC-UBND ngày 30/5/2024 của UBND tỉnh, số giải ngân đạt 0,73/1 điểm do Bộ Tài chính không đồng ý nội dung giải trình, Bộ Tài chính không đồng ý kết quả 75,57%


⁴² Theo Báo cáo số 346/BC-STC ngày 18/12/2023 về công tác CCHC năm 2023, đạt 78,25 (4.367,78/5.581,736 tỷ) so với kế hoạch Trung ương (từ ngày 01/01/2023 – 08/12/2023)

	liệu đến hết ngày 31/01/2024 tại Báo cáo 100/BC-UBND ngày 28/02/2024 của UBND tỉnh là 6.125.682/8.105.714 triệu đồng, đạt 75,57%.	đồng, đạt 44,28% kế hoạch giảm 21,05% (42,33%-65,33%) so với cùng kỳ ⁴³ . Ước thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/01/2025, giá trị giải ngân là 7.565.050/5.640.142 triệu đồng, đạt 134,13% so kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao; giá trị giải ngân là 7.565.050/7.959.631 triệu đồng, đạt 95,04% so kế hoạch Hội đồng nhân dân tỉnh giao.	
1.2	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN. <i>- Cách thức đánh giá: Nếu có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0.</i> <i>- Kết quả đạt được năm 2023: 0 điểm</i>	Thanh tra Sở Tài chính đã ban hành Quyết định số 07/QĐ-TTr ngày 18/6/2024, về việc Thanh tra các Trường trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Kết luận số 03/KL-TTr ngày 01/8/2024 của Thanh tra Sở Tài chính về Trung tâm Đăng kiểm tàu cá Kiên Giang, đúng quy định về sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN đúng quy định, không có sai phạm.  03 KL-Thanh tra STC 01.8.2024 ĐV trực tđ	Theo quy định
1.3	Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách ⁴⁴ . <i>- Cách thức đánh giá: Tỷ lệ phần trăm (%) số tiền đã nộp</i>	* Nhiệm vụ tại Sở Tài chính: 251.060.170.313 đồng/251.060.170.313 đồng, đạt 100%. - Thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Theo quy định



⁴³ Theo Báo cáo số 346/BC-STC ngày 18/12/2023 về công tác CCHC năm 2023, đạt 65,33% (4.367,708/6.685,471 tỷ) so kế hoạch HĐND tỉnh giao (từ ngày 01/01/2023 – 08/12/2023)









⁴⁴ Tại tiêu chí thành phần 1.3. Kết quả chấm điểm CCHC năm 2023: Tại trang số 9 của Báo cáo 241/BC-UBND ngày 30/5/2024 của UBND tỉnh, kết quả thực hiện, đạt 0,84/1 điểm do Kho bạc Nhà nước cung cấp số liệu kiến nghị kiểm toán Nhà nước, Bộ Tài chính không đồng ý kết quả 96,9%.


	<p><i>NSNN so với tổng số tiền phải nộp NSNN.</i></p> <p><i>- Kết quả đạt được năm 2023: đạt 0,97 (đạt 96,9%)</i></p>	<p>năm 2023 về công tác quản lý ngân sách nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (Công văn số 175/KTNN-TH ngày 13/10/2023 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực V), Sở Tài chính đã thực hiện 251.060.170.313 đồng/251.060.170.313 đồng, đạt 100% theo kiến nghị, trong đó: thu hồi, nộp ngân sách các khoản sai quy định, thu hồi kinh phí cấp thừa và giám dự toán, thanh toán năm sau 32.240.535.225 đồng; xử lý khác về tài chính là 218.819.635.088 đồng.</p> <p>* Nhiệm vụ do Sở Tài chính tổng hợp từ các cơ quan, đơn vị: 357.254.279.793/357.307.322.707; đạt tỷ lệ đạt được 99,99%.</p> <p>- Kết luận Thanh tra Bộ Tài chính số 1350/KL-TTr ngày 09/12/2022: số đã thực đến ngày 06/12/2024 là 357.254.279.793/357.307.322.707; tỷ lệ đạt được 99,99%, tương đương 0.99 điểm.</p> <p>+Thu hồi nộp ngân sách 102.979.042.727đ/102.979.042.727đ, đạt tỷ lệ 100% kiến nghị.</p> <p>+ Kiến nghị khác 254.275.237.066đ/254.328.279.980đ đạt tỷ lệ 99,99%, còn lại 53.042.914đ đang thực hiện.</p> <p>- Kết luận kiểm toán chuyên đề việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ của tỉnh Kiên Giang ngày 27/4/2023:</p> <p>+ Các khoản giảm chi đã thực hiện 144.700.932.268đ/144.700.932.268đ đạt 100% kiến nghị</p>	
--	---	--	--

1.4	<p>Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính.</p> <p>- <i>Kết quả năm 2023: đạt 0,80 điểm/1 điểm</i></p>	Sở Tài chính không trực tiếp thực hiện, chỉ phối hợp cơ quan, đơn vị thực hiện	Theo quy định (Điều tra xã hội học thực hiện)
2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công		
2.1	<p>Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>- <i>Cách thức đánh giá: Tỷ lệ phần trăm (%) cơ quan, đơn vị đã ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công.</i></p> <p>- <i>Kết quả đạt được năm 2023: đạt điểm tối đa.</i></p>	- Tất cả cơ quan (đơn vị) đều ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công (có đơn vị ban hành lồng ghép chung với quy chế chi tiêu nội bộ), đạt 100%.	Theo quy định
2.2	<p>Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.</p> <p>- <i>Cách thức đánh giá:</i></p> <p>+ <i>Trong năm phải có thực hiện kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công;</i></p> <p>+ <i>Nếu 100% đơn vị được kiểm tra về việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công KHÔNG CÓ SAI PHẠM thì đạt điểm.</i></p> <p>+ <i>Yêu cầu phải rà soát, chuẩn hóa, cập nhật đầy đủ, kịp thời số liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.</i></p> <p>- <i>Kết quả đạt được năm 2023: điểm tối đa</i></p>	<p>Công tác phối hợp các cơ quan, đơn vị kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công lồng ghép vào các cuộc thanh tra của Sở, các cơ quan thực hiện đúng, không gây thất thoát tài sản nghiêm trọng: Thanh tra Sở Tài chính đã ban hành Quyết định số 07/QĐ-TTr ngày 18/6/2024, về việc Thanh tra các Trường trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Kết luận số 03/KL-TTr ngày 01/8/2024 của Thanh tra Sở Tài chính về thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công, có thực hiện kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công đúng quy định, không có sai phạm.</p> <p></p> <p>03 KL-Thanh tra STC 01.8.2024 ĐV trực tr</p>	Theo quy định

		và đã thực hiện rà soát, chuẩn hóa, cập nhật đầy đủ số liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công đạt trên 80%.	
2.3	<p>Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý (sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý theo NĐ 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ)</p> <p>- Cách thức đánh giá: Tỷ lệ phần trăm (%) số cơ sở nhà, đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý. Nếu đạt $\geq 80\%$, thì đạt điểm tối đa.</p> <p>- Kết quả năm 2023: đạt điểm tối đa (đạt 92,94%)</p>	Sở Tài chính phối hợp cơ quan, đơn vị thực hiện: Đúng quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý có số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý đạt 92.94% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất.	Theo quy định
2.4	<p>Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị.</p> <p>- Kết quả năm 2023: đạt 0,82 điểm/1 điểm</p>	Sở Tài chính không trực tiếp thực hiện, chỉ phối hợp cơ quan, đơn vị thực hiện	Theo quy định , (Điều tra xã hội học thực hiện)
2.5	<p>Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công.</p> <p>- Kết quả năm 2023: đạt 0,84 điểm/1 điểm</p>	Sở Tài chính không trực tiếp thực hiện, chỉ phối hợp cơ quan, đơn vị thực hiện	Theo quy định , (Điều tra xã hội học thực hiện)
3	<p>Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)</p> <p>* Phạm vi đánh giá: Cả 03 nhóm đơn vị SNCL thuộc UBND cấp tỉnh, thuộc CQCM cấp tỉnh, thuộc UBND cấp huyện.</p>		

3.1	<p>Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên (100% chi thường xuyên, nhóm 2)</p> <p>- Cách đánh giá: Nếu trong năm đánh giá CÓ THÊM ít nhất 01 đơn vị SNCL được giao tự chủ ở mức tự bảo đảm chi thường xuyên so với năm trước liền kề (không tính các trường hợp giao lại) thì đạt yêu cầu;</p> <p>- Kết quả năm 2023: điểm tối đa</p>	<p>(1) Năm 2023 Ban Quản lý công trình công cộng đô thị huyện mức độ tự chủ nhóm 3 (từ 10% đến dưới 30%) theo Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2023 UBND huyện Kiên Lương.</p> <p>Năm 2024 Ban Quản lý công trình công cộng đô thị huyện tăng loại hình tự chủ lên nhóm 2 (100% chi thường xuyên) theo Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của UBND huyện Kiên Lương.</p> <div style="display: flex; justify-content: center; gap: 20px;">   </div> <p>QĐ 1755 QĐ-UBND 1591QĐ-UBND T5 2024 huyện châu T7.2023 sự nghiệp c</p>	<p>Theo quy định</p>
3.2	<p>Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (nhóm 3).</p> <p>Trong đó:</p>		<p>Theo quy định</p>
3.2.1	<p>Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ 70 đến dưới 100% chi thường xuyên.</p> <p>- Cách đánh giá: Nếu trong năm đánh giá CÓ THÊM ít nhất 01 đơn vị tự bảo đảm so với năm trước liền kề thì đạt yêu cầu.</p> <p>- Kết quả năm 2023: điểm tối đa</p>	<p>- Năm 2024 Có thêm đơn vị tự đảm bảo từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên so với năm 2023: <u>Đội kiểm tra trật tự đô thị tp. Hà Tiên nâng lên tự chủ theo</u> Nghị định 60/NĐ-CP: đơn vị do ngân sách NN đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên thành đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên từ 70% dưới 100% (Quyết định 1555/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 theo NĐ 60/2021/NĐ-CP và và Báo cáo 55/BC-TCKH ngày 16/5/2022; Quyết định 395/UB ngày 28/12/2018 theo NĐ 43/2006/NĐ-CP).</p>	<p>Theo quy định</p>

		 TCTP 6.3.2  TCTP 6.3.2 55-TCKH  TCTP 6.3.2 1555-QĐ-UBND 2023 (đội kiểm tra TTĐT T3935-QĐ-UBND 2021	
3.2.2	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ 30 đến dưới 70% chi thường xuyên. - Cách đánh giá: Nếu trong năm đánh giá CÓ THÊM ít nhất 01 đơn vị tự bảo đảm so với năm trước liền kề thì đạt yêu cầu. - Kết quả năm 2023: điểm tối đa	- Năm 2024 Có thêm đơn vị tự đảm bảo từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên so với năm 2023 (Bệnh viện lao và Bệnh phổi).  2777-QĐ-UBND 2022 (BV lao phổi từ 2023  2903-QĐ-UBND (Bv lao phổi từ  2403.QĐ SGDĐT.pdf	Theo quy định
3.2.3	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ 10 đến dưới 30% chi thường xuyên. - Cách đánh giá: Nếu trong năm đánh giá CÓ THÊM ít nhất 01 đơn vị tự bảo đảm so với năm trước liền kề thì đạt yêu cầu. - Kết quả năm 2023: điểm tối đa	(1) Năm 2023 Trung tâm Văn hóa và Thể thao, Truyền thanh huyện mức độ tự chủ nhóm 4 (dưới 10%) theo Quyết định 1591/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2023 UBND huyện Kiên Lương, Năm 2024 Trung tâm Văn hóa và Thể thao, Truyền thanh huyện tăng loại hình tự chủ lên nhóm 3 (Đơn vị tự đảm bảo từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên) theo Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của UBND huyện Kiên Lương.  QĐ 1755 QĐ-UBND T5 2024 huyện châu T7.2023 sự nghiệp c  1591QĐ-UBND	Theo quy định

3.3	<p>Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL.</p> <p>- Phạm vi đánh giá: Cả 03 nhóm đơn vị SNCL thuộc UBND cấp tỉnh, thuộc CQCM cấp tỉnh, thuộc UBND cấp huyện.</p> <p>- Cách đánh giá: Nếu KHÔNG CÓ SAI PHẠM được các cơ quan có thẩm quyền chỉ ra trong năm đánh giá thì đạt yêu cầu.</p> <p>- Kết quả năm 2023: điểm tối đa</p>	<p>Thanh tra Sở Tài chính đã ban hành Quyết định số 07/QĐ-TTr ngày 18/6/2024, về việc Thanh tra các Trường trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, theo đó theo Kết luận số 03/KL-TTr ngày 01/8/2024 thì Trung tâm Đăng kiểm tàu cá Kiên Giang về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính đúng quy định.</p>  <p>03 KL-Thanh tra STC 01.8.2024 ĐV trực tđ</p>	Theo quy định
3.4	<p>Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2021.</p> <p>- Cách đánh giá: Tỷ lệ phần trăm (%) giảm chi trực tiếp ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2021.</p> <p>- Kết quả năm 2023: 1 điểm/1 điểm</p>	<p>Sở Tài chính đang phối hợp cơ quan, đơn vị thực hiện: Việc thực hiện tổng hợp báo cáo tự chủ theo hướng dẫn chấm điểm CCHC là chưa phù hợp theo quy định tại Thông tư số 56/2022/TT-BTC, do đó Sở Tài chính đang tổng hợp số liệu tạm ước thực hiện tới thời điểm báo cáo hiện tại (đến ngày 22/12/2024), đạt 100%.</p>	Theo quy định
3.5	<p>Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị SNCL.</p> <p>- Kết quả năm 2023: 0,82 điểm/1 điểm</p>	<p>Sở Tài chính không trực tiếp thực hiện, chỉ phối hợp cơ quan, đơn vị thực hiện</p>	Theo quy định, (Điều tra xã hội học thực hiện)
3.6	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh		
3.6.1	<p>Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh</p> <p>- Cách đánh giá: Phân nhóm các địa phương như sau: + Nhóm 01: Với 10 địa phương có số thu ngân sách cao nhất cả nước; + Nhóm 02: Với 20 địa phương có số thu cao từ vị trí thứ</p>	<p>- Kết quả thực hiện thu NSNN theo Kế hoạch được UBND tỉnh và Trung ương giao đến ngày 08/12/2024 là 13.742 tỷ đồng, đạt 81,3% 13.836 tỷ đồng, đạt 81,8% (13.836 tỷ đồng/16.906 tỷ đồng) so với dự toán HĐND tỉnh giao giảm 26,3% (81,8%-</p>	Thường xuyên

	<p>11 đến 30 so với 63 tỉnh, thành; + Nhóm 03: Với 20 địa phương có số thu từ vị trí thứ 31 đến 50 so với 63 tỉnh, thành; + Nhóm 04: Với 13 địa phương có số thu ngân sách thấp nhất cả nước. - Kết quả năm 2023: tỉnh Kiên Giang thuộc nhóm 02 (đứng thứ hạng 23/63 tỉnh, thành), đạt 1 điểm.</p>	<p>108,1%) so với cùng kỳ⁴⁵ và đạt 110,5% (13.836 tỷ đồng /12.520 tỷ đồng) so dự toán Trung ương giao giảm 3,8% (110,5%-114,3%) so với cùng kỳ⁴⁶. Ước thu NSNN từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 là 16.977 tỷ đồng, đạt 100,4% (16.977/16.906) so với dự toán HĐND tỉnh giao, đạt 135,6% (16.977/12.520) so dự toán Trung ương giao.</p>	
B	VỀ CHỈ SỐ PAPI		
1	<p>Đóng góp tự nguyện Có các tiêu chí thành phần được khảo sát như sau: - Tỷ lệ người trả lời cho biết đã đóng góp tự nguyện cho một công trình công cộng ở xã/phường nơi sinh sống (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết Ban Thanh tra nhân dân hoặc Ban giám sát đầu tư cộng đồng giám sát việc xây mới/tu sửa công trình (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết đóng góp của họ được ghi chép vào sổ sách của xã/phường (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết đã tham gia vào việc quyết định xây mới/tu sửa công trình công cộng ở xã/phường (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết có tham gia đóng góp ý kiến</p>	<p>Sở Tài chính không trực tiếp thực hiện nội dung này, chỉ phối hợp cơ quan, đơn vị thực hiện</p>	Thường xuyên

⁴⁵ Theo Báo cáo số 346/BC-STC ngày 18/12/2023 về công tác CCHC năm 2023, đạt 108,1 (13.169/12.177 tỷ) so với kế hoạch HĐND tỉnh giao (từ ngày 01/01/2023 – 07/12/2023).

⁴⁶ Theo Báo cáo số 346/BC-STC ngày 18/12/2023 về công tác CCHC năm 2023, đạt 114,3% (13.169/11.517 tỷ) so với kế hoạch Trung ương (từ ngày 01/01/2023 – 07/12/2023).

	<p>trong quá trình thiết kế để xây mới/tu sửa công trình (%).</p> <p>* <i>Kết quả đánh giá năm 2023: 0,7764 điểm (điểm đánh giá nằm trong khoản 0,25 – 2,5)</i></p> <p>* Giải pháp cải thiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức kiểm tra việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện của người dân. - Thực hiện công khai danh mục các dự án, các công việc cần kêu gọi người dân cùng tham gia đóng góp tự nguyện; lấy ý kiến người dân đối với việc tham gia đóng góp tự nguyện để thực hiện nhiệm vụ, dự án công cộng. Hướng dẫn, tạo điều kiện để Ban Giám sát đầu tư cộng đồng hoạt động hiệu quả. - Hạch toán, theo dõi ghi chép sổ sách các khoản đóng góp tự nguyện rõ ràng, đầy đủ. - Xác nhận việc đóng góp của công dân, tránh vận động trùng lặp 1 đối tượng đóng góp cùng 1 nội dung nhiều lần, nhiều nơi. 		
2	<p>Công khai, minh bạch ngân sách cấp xã</p> <p>Có các tiêu chí thành phần được khảo sát như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu chi ngân sách của xã/phường được công bố công khai (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết đã từng đọc bảng kê thu chi ngân sách (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết họ tin vào tính chính xác 	<p>Sở Tài chính không trực tiếp thực hiện nhiệm vụ này, chỉ phối hợp với các Sở, Ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện, xã thực hiện Công văn số 1985/STC-QLN ngày 29/8/2023 của Sở Tài chính về việc thực hiện công khai dự toán, quyết toán NSNN hàng năm; Công văn số 2328/STC-QLNS ngày 03/11/2022 về việc báo cáo tình hình thực hiện CKNS theo quy định Luật NSNN năm 2015 (bắt đầu từ năm 2022 đề nghị huyện, thành phố thực hiện Báo cáo về Sở Tài chính trước ngày 31/3 hằng năm phụ lục kèm theo); Công văn số 1597/STC-QLNS</p>	<p>Định kỳ theo quy định</p>

<p>của thông tin về thu chi ngân sách đã công bố (%)</p> <p><i>* Kết quả đánh giá năm 2023: 1,3197 điểm (điểm đánh giá nằm trong khoản 0,25 – 2,5)</i></p> <p>* Giải pháp cải thiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra tình hình triển khai thực hiện công khai ngân sách cấp xã. - Bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý, nghiệp vụ về quản lý tài chính cho Chủ tịch, kế toán, thủ quỹ thuộc UBND cấp xã; hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ tài chính ở cấp xã. - Phát huy vai trò giám sát của HĐND cấp huyện, cấp xã, các đoàn thể quần chúng, cán bộ, công chức và nhân dân; kịp thời ngăn chặn những dấu hiệu tiêu cực, xử lý theo quy định đối với những trường hợp vi phạm quy định về quản lý tài chính, tài sản công. - Mở các lớp bồi dưỡng chuyên đề về công khai ngân sách cấp xã cho các đối tượng là trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố. 	<p>ngày 04/8/2022 về việc thực hiện công khai ngân sách theo quy định Luật NSNN năm 2015; Công văn số 755/STC-QLNS ngày 12/6/2018 về việc nhắc nhở thực hiện CKNS theo quy định Luật NSNN năm 2015 và công văn tác tự kiểm tra theo Quyết định 67/2004/QĐ-BTC, tiếp tục thực hiện về báo cáo định kỳ.</p>	
---	---	--

Phụ lục VII
TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TẠI CÁC
PHỤ LỤC CỦA KẾ HOẠCH 39/KH-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh
(Kèm theo báo cáo số /BC-STC ngày /12/2024 của Sở Tài chính

STT	Nội dung nhiệm vụ	Kết quả
1	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/ND-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/ND-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước	Sở Tài chính phối hợp cơ quan, đơn vị thực hiện lồng ghép nội dung này vào trong báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (Báo cáo số 370/BC-STC ngày 31/10/2024 và báo cáo số 590/BC-UBND ngày 28/11/2024 của UBND tỉnh); báo cáo.
2	Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ, hiệu quả giải ngân vốn đầu tư công và thực hiện các nhiệm vụ về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	Sở Tài chính không trực tiếp thực hiện nhiệm vụ này, Sở chỉ phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện. Đồng thời, ngày 23/7/2024 Sở Nội vụ đã có Báo cáo số 168/BC-SNV về thực hiện các chỉ tiêu nâng cao chất lượng CCHC theo Kế hoạch số 41-KH/TU và Kế hoạch số 288/KH-UBND ngày 20/9/2024 (Kế hoạch số 211/KH-UBND) giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính nghị Bộ, ngành trung ương thực hiện (Báo cáo số 231/BC-STC ngày 19/6/2024). Tiếp tục thực hiện Công văn số 1579/UBND-KT ngày 24/7/2024 của UBND tỉnh về việc triển khai nhiệm vụ, giải pháp tài chính ngân sách 6 tháng cuối năm 2024; Công văn số 1832/UBND-KT ngày 26/8/2024

của UBND tỉnh về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Công văn số 9416/VP-KT ngày 03/10/2024 của Văn phòng UBND tỉnh về chuẩn bị nội dung kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư; Công văn 10035/VP-KT ngày 21/10/2024 của Văn phòng UBND tỉnh về công khai các dự án giải ngân dưới 30% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 nguồn NSTW (vốn trong nước) do địa phương quản lý; Công văn số 2380/UBND-KT ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh về khẩn trương hoàn thành thủ tục đầu tư để giao 100% kế hoạch đầu tư công năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

+ Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công đến ngày 05/12/2024 giá trị giải ngân so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao là 3.524.392/5.640.142 triệu đồng, đạt 62,49% kế hoạch; so kế hoạch HĐND tỉnh giao là 3.524.392/7.959.631 triệu đồng, đạt 44,28% kế hoạch.

Ước thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/01/2025, giá trị giải ngân là 7.565.050/5.640.142 triệu đồng, đạt 134,13% so kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao; giá trị giải ngân là 7.565.050/7.959.631 triệu đồng, đạt 95,04% so kế hoạch Hội đồng nhân dân tỉnh giao.